

Năm thứ ba — số 31

15 Janvier 1934

VĂN-HỌC

TẠP-CHI



CHỦ - BỐT : Dương - Bá - Trạc — CHỦ - NHIỆM : Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO
193, Phố hàng Bông, 193
HANOI

Giá bán : một năm : 3\$00 — nửa năm : 1\$70 — mỗi số 0\$15

VAN - HOC TAP CHI

MUC LUC

1. — Cái thiện chức của nhà văn-sĩ	57
2. — Thi thoại	61
3. — Về lối văn của bà Sương-Nguyệt-Anh	66
4. — Dịch tiểu thuyết	70
5. — Cảm tưởng về truyện Hồn Bướm Mơ Tiên	75
6. — Ngọc không có vết dầu	81
7. — Dịch Pháp văn : <i>L'isolement</i>	82
8. — Tin làng báo	84
9. — Vườn văn : I. — <i>Tình thiện của người.</i> —	86
II. — <i>Trách Thủy - Uyên</i>	87
10. — Đoạn thiên tiểu thuyết : <i>Tiếng đàn ai?</i>	89
11. — Một chữ nhầm trong truyện Kiều	96
12. — Văn thơ	97
13. — Tình yêu thương có thi vị của người Pù-nội	101
14. — Hoa lư kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết)	103
15. — Nửa tháng vừa qua	107
16. — Những cỏ rác ở vườn văn	110
17. — Ai biết bảo giùm	112

Ai cần kiêm Đại-lý trong Nam ?

Hiệu **THANH THANH** mới mở ở vào ba căn phố
lầu góc hai con đường lớn Saigon, N° 38 Rue Pellerin
và N° 118 & 120 Boulevard de la Somme.

Bán và làm Đại lý

a) Đủ các thứ văn phòng và học liệu ; Báo, chí và sách
vở bằng chữ Pháp văn và Quốc văn có giá trị

b) Đủ các thứ giao, nhung, kỳ, quế, cao, đơn, hườn, tán,
và các thứ dầu có danh tiếng.

c) Các thứ tơ lụa do người mình chế tạo và hết thấy
các thứ hàng nội hóa khác.

Thư điểm được phòng, và các nhà công nghệ
trong nước nếu muốn cho hàng các ngài tiêu thụ
trong Nam xin viết thư cho :

Monsieur **HỒ HỮU NHÃ**

Chủ hân hiệu **THANH THANH**

118 và 120 Boulevard de la Somme.

— SAIGON —

Nên đặc biệt chú ý là hiệu **THANH THANH** không những
xài số tiền lớn làm quảng cáo trong các báo chí ba kỳ, mà
lại còn phái 3 người *Commis Voyageurs* đi khắp lục-tỉnh để
cổ động những món hàng mà hiệu ấy nhận làm Đại lý.



VAN - HOC TAP - CHI

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ vào ngày 1^{er} và 15

CÁI THIÊN CHỨC CỦA NHÀ VĂN - SĨ



Trong V. H. T. C. số 26, ông Chắt-Hằng bàn về cái nghề của nhà văn-sĩ, muốn dùng bát cơm cho nhà văn-sĩ, đừng giúp họ đào tạo ra cái sự nghiệp văn chương.

Tôi lại bàn về cái thiên-chức của nhà văn-sĩ, muốn cho nhà văn-sĩ hiểu rõ cái địa-vị cao quý của mình, trước khi cầm bát cơm lên ăn. Ông Chắt-Hằng căn cứ ở cái bản thống-kế về nhà văn-sĩ ở buổi dĩ-vãng mà kêu ca giùm cho nhà văn-sĩ có một cái nghề. Tôi thì bằng chứng ở cái hiện tình của nhà văn-sĩ mà cao rao rằng nhà văn-sĩ phải có một cái thiên-chức.

Ông Chắt-Hằng và tôi tuy đi hai đường, mà cùng về một mục đích : là vị con nhà văn vậy.

Bề khổ mệnh-móng, đồng thuyền đau khách ;
thế lộ gặp ghềnh, lữ-hành nào bạn. Tưởng ta

đành riêng chịu gió sương, thế mà ta lại gặp người biết giùm ta thở than an ủi, cam cùng ta chung chịu một nỗi khổ tâm; rồi lại biết đem giọng thâm trầm tao nhã dặng giục thúc ta, xô đẩy ta vượt khỏi bến mê, qua hồi sóng to gió cả, mà tiến đến một cảnh trí quang minh chính đại hơn.

Bề khổ mệnh mông, thế lộ gặp ghềnh, ấy ai là kẻ cùng ta chia dặng xót cay? Chính là nhà văn chớ ai!

Ta hãy thử nghĩ mà coi.

Ta với nhà văn, nước mây cách trở muôn trùng nhưng nhà văn lại có thể nhờ ngọn bút câu văn mà kết cấu nên một mối giây liên lạc cùng ta; dùng cơ hội đó mà đào bới tìm tòi những nỗi éo le khúc chiết của đời ta, đồng thời lại tự mình cố gắng cho ta những phương-châm điều trị cả nỗi éo-le khúc-chiết đó.

Ta với nhà văn cùng đạp một đất, chung đội một trời, cùng mang một bản thể với một linh hồn, nhưng nhà văn nhờ cái khối óc cao minh mà chỉ huy dặng cả tâm hồn trí não ta mà cứu giúp ta vượt ra ngoài cuộc khủng-hoảng trí-thức và tinh-thần.

Cho nên, ở xã - hội loài người, nhà văn đối với giai cấp xã-hội, là một hạng người tiêu-biểu cao hơn hết. Cái địa vị đó của nhà văn, đối với thời gian, thì bất diệt và nhờ vậy, sự hành động của nhà văn có cái mãnh-lực góm ghê như mưa tuôn, như gió dậy, có thể làm chấn-động cả thế gian.

Biết rằng nhà văn là một hạng người tiêu biểu cho mọi người, nhưng không dễ gì mọi người hiểu biết đặng nhà văn. Là bởi nhà văn không muốn cho ai hiểu biết mình hơn là mình ; khi ăn, khi xuất bất kỳ, chủ tâm là giục sự hồi tưởng ở thần trí của thiên hạ, chính sự hồi tưởng đó giúp thiên hạ hiểu rõ đặng cái thiên chức cao siêu của nhà văn vậy.

Bởi thế cho nên, người đời thường xét nhà văn đặng ở bề ngoài mà thôi, nhà văn bị thấy ra như là một hạng người yếm thế nhứt : độc lập ra ngoài xã hội, lánh bả vinh hoa, xa mùi phú quý : cho cả thấy những miếng mồi như kẻ tối tăm đặng trôi buộc vào vòng nô lệ. Mà nếu xét về bề trong, nhà văn lại là một hạng người cứu thế nhứt, luôn luôn quan tâm đến thế sự : khinh người vô đạo, nhưng không đành lấp mắt với người vô đạo : ghét đời loạn ly, nhưng không nỡ ngoi tai với đời loạn ly ; lúc nào cũng bền lòng chắc dạ, nghĩ thiên kế bách phương, đặng cứu người giúp đời mà thôi.

Ôi, nếu đời còn là sông mê bể khổ, nhận đắm chúng sinh, thì nhà văn còn phải băng khuâng trợn kiếp, phải hăng hái đem thân làm thuyền tế độ cho chúng sinh mà thôi. Không hoài bão những gì xa xôi, chỉ hoài bão một cái thế giới đầm ấm cho muôn dân, hoài bão một cách thiết tha, có khi đến ngông cuồng, mà không kể chi đến nỗi thất bại và thiệt thòi cho số phận.

Ta có nhận thấy chỗ hoài bão sâu xa của nhà

văn, ta mới biết nhà văn đã đảm nhận cái thiên chức của Tào hóa trao cho ; ta mới biết luôn rằng ở cõi trần ai, ta xông pha gió bụi, ta dày dạn trông gai, mà ta đừng nhà văn cùng ta xẻ đắng xót bùi, ấy chính ta đã chịu ân mưa móc của Tào-hóa vậy.

Ở một xã-hội nào mà nhà văn không nhìn nhận ra cái thiên chức của mình đối với xã-hội hay tự xã-hội cũng không thêm dòm ngó đến cái địa vị của nhà văn, thời xã-hội ấy đời nào mong đợi dân trí khai thông, mà cái vận mạng tương lai của xã-hội đó cũng rất nông nổi bình bồng lắm thay.

Vậy phàm ai đã mang danh là nhà văn - sĩ, tức là kẻ có cái nghĩa vụ khai nhân hóa chúng, há lại không hết lòng làm cho sáng rõ cái chân giá trị của nhà văn hay sao ?

Trương-lập-TẠO



THI THOAI

Kỳ này, đáng lẽ tôi phải đúng hẹn mà đem mấy bài thơ tuyệt tác của Beaudelaire ra mắt độc-giả mới phải. Song, vì có mấy ông bạn tôi muốn tôi nói ngay về cái nhẽ «tam giới duy tâm» mà trong lúc vui anh em tôi đã nhận lời; nên phải nói kỳ này, tưởng cũng là thêm được chút gia vị mới vào cái đĩa toàn những mỹ vị là những thơ.

Muốn giải cái nghĩa «tam giới duy tâm», trước hết tôi cần phải dùng thứ gia vị này mà tôi đã mượn được của mấy nhà sư.

Nguyên câu chuyện là chuyện cãi lý của hai người sư chú. Nhân thấy cánh phướn gió bay, người sư cao bảo rằng: «*Phướn động*»; người sư thấp bảo rằng «*gió động*». Chẳng ai chịu ai, rồi hai người cứ đứng mào cao thấp cãi lý với nhau hoài cho đến chiều tối lúc sư cụ đi vân du về. Các ngài thử đoán xem sư cụ «giải quyết» câu chuyện đó ra sao? Sư cụ bảo rằng:

— Không phải gió động, cũng không phải phướn động đâu, chỉ là tại tâm các người tự động đấy!

Cái chân lý «Tam giới duy tâm», cứ một câu sư cụ nói đó cũng đủ minh giải ra rồi. Còn như cho là chưa đủ thì cũng phải giải ra hàng tập giấy, soạn hẳn ra thành một cuốn sách mới là đủ. Ở đây trong mục «thi thoai» tôi không dám lạm quyền mà nói dài ra được.

Bằng muốn nói nữa, thì tôi xin xoay câu chuyện về thơ mà giải ra vậy.

Như cảnh về chiều, mặt trời lặn. thì ở đâu chả thể, thế mà nhà làm thơ có người ngâm câu:

*Hàng-nga sắp chiếu mảnh châu bạc,
Mong mỗi tình nhân sẽ tới thăm.*

lại có người đọc câu :

*Thăm thăm giờ chiều mưa nặng hạt,
Ngõ sâu cái cửa quốc kêu cành.*

thì một người vui mà chán chứa hy vọng, một người
sầu mà buồn thảm xiết bao, thực khác nhau quá.

Như cảnh về xuân, thì cây cỏ đâu chẳng tươi bừng,
non nước đâu chẳng nhộn nhịp, nhà làm thơ ai chẳng vui
vẻ mà thường lấy cái thanh xuân bất tận :

« Cảnh xuân sinh đẹp thay, non sông đều trẻ lại, diễm
tô khéo mấy tay con tạo. xuân nhất xuân tình vũ trụ xuân ! »

QUAND CE BEAU PRINTEMPS, JE VOIS,
J'APERÇOIS
RAJEUNIR LA TERRE ET L'ONDE ;
ET ME SEMBLE QUE LE JOUR
ET L'AMOUR,
COMME ENFANTS NAISSENT AU MONDE !

(Ronsard)

inè mà có người ở chiếc quan kia, thui thui một
mình, không biết nói cùng ai. Ngoài ngọn đèn con thì
không còn lấy ai làm tri kỷ nữa. Năm đã cùng, người
xa đều được trở lại, mà mình thì giang hồ chìm nổi
chưa thôi. Òi, xuân đến, nghĩ đến cái thân thể thêm
nực cười, nhắc đến chuyện xưa càng ái ngại. Tóc thưa
đầu bạc, vẻ sầu tiều tụy bần thần... trông thấy non
sông cây cỏ thêm thẹn, còn dám đâu ra mặt chào xuân.

LỄ THỦ THUY TƯƠNG VẤN ?
HÀN ĐĂNG ĐỘC KHẢ THÂN,
NHẤT NIÊN TƯƠNG TẬN DẠ,
VẠN LÝ VỊ QUY NHÂN.
LUÂN LẠC BỊ TIỀN SỰ,
CHỈ LY TIỂU THỦ THÂN.
SÀU NHAN GIỮ SUY CÁI.
MINH NHẬT HỢC PHÙNG XUÂN.

(Đường thi)

Dẫu có gặp tiết xuân vui vẻ chẳng nữa, nhưng mà vui bao nhiêu lại thấy buồn thêm bấy nhiêu. Xem vậy thì câu « cảnh nào cảnh chẳng theo người » quả là đúng. Lại như trong mùa xuân thì cảnh sắc hoa đào ở đâu chả thể, mà... nhà dật sĩ sống trong cái am thanh - u kia, có câu :

« Hoa đào nước chảy riêng rời đất »,
đến anh chàng nọ, đến thăm nơi cảnh cũ, chan-chứa lòng mến yêu, thì lại có câu :

« Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông ».

...

Lại câu chuyện hai nhà làm thơ, đứng ngắm bông hoa gió thổi lướt qua, một người thì oán ; cho Di-gió là nhẫn tâm với hoa :

Hoa tàn nữ thời rơi đầy đất.

Gớm thật đông-phong quá nhẫn-iâm !

Còn một người thì khen, cho Di-gió là tử-tế với hoa :

Gió vị thời hoa không dám mạnh,

Giăng nhân mến khách hóa đi lâu.

Chung-quy thì Di-gió vẫn vô tâm mà những sự yêu, ghét đều ở hai người đó mà suy ra cả.

...

Cũng cái đêm mưa gió, mà người phải đất khách đường xa, thì coi ra gió rét, mưa trơn ; đến những ai được ngồi rồi ở nhà, họp đôi ba anh em, nâng chén rượu nồng, tri-kỷ đàm tâm thì tưởng thú-vị xiết bao. Mới hay cảnh tự người, tự tâm người nhận ra cả.

« Tam giới duy tâm », mọi thế giới đều do một tâm giới sinh ra. Vì lòng người mỗi người một khác, cho nên cùng một cảnh vật mà có người bảo thế này, có người bảo thế khác. Lại như cũng sông, thuyền, cũng rượu, mà người đọc được ra những câu

hùng-tráng như câu :

Chặt bến tàu bè,
Dẹp giong cò quạt,
Trên sông rót rượu lọc,
Trống giáo ngâm thơ...

lại có người đọc được những câu nghe ra linh-lạc như câu :

Bến Tầm-dương đêm khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu, lau lách đìu - hiu.
Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc ti.

(TẦM DƯƠNG GIANG ĐẦU DẠ TỔNG KHÁCH,
PHONG DIỆP ĐỊCH HOA THU SẮT SẮT,
CHỦ NHÂN HẠ MÃ, KHÁCH TẠI THUYỀN,
CỬ TỬ DỤC ẦM VÔ QUẢN HUYỀN).

(Tỳ-bà hành)

Cũng nhận rằng : « cảnh tự tâm mà ra cả », và tất cả các ngoại cảnh là hư ảo cả, chỉ có cảnh tâm nhận thấy là chân thật mà thôi, nên J. RICHPIN dám bảo hân là « bốn mùa cũng tự lòng ta », cảnh ngoài có thắm đến đâu đi nữa mà lòng ta vui vẫn thấy vui.

Cảnh chiều di-dách mưa thâu,
Trông xa xám ngắt một màu quan san.
Thiệt-tha giọng nã gió đàn,
Nỗi - niềm tấm - tức lá vàng cuốn bay.
Yêu nàng gần - gửi chiều nay,
Cảnh kia dầu thắm, lòng này vẫn vui.

Duyên gì vật ấy với người,
Mộng tình đôi lứa cảnh giới khôn sinh.
Phó cho con tạo vô tình,
Bốn mùa âu cũng ở mình ở ta.

Đương hè tưởng những tuyết sa,
Lửa hồn hiu hắt, hóa ra lạnh lùng.

Vì đau rức - rở giờ đông,
 Vì ta, ta được, được nồng ấm yêu.
 Thu sang cảnh vật tiêu - điều,
 Minh vui cảnh ấy khôn khiêu lòng sầu.
 Cảnh xuân khôn đẹp lòng nhau,
 Vắng tình, xuân cũng như màu không hoa.

(IL PLEUT, LE CIEL EST SOMBRE, ET LE VENT DOULOUREUX
 PLEURE ET GEINT EN FAISANT TOURNER LES FEUILLES MORTES.
 CE SOIR, JE T'AIME, ET PRÈS DE TOI, JE SUIS HEUREUX ;
 SI CE SOIR LA NATURE EST TRISTE, QUE M'IMPORTE !
 LA NATURE JAMAIS À NOUS NE S'APPARENTE ;
 NOS RÊVES SONT PLUS BEAUX QUE TOUS SES HORIZONS.
 SOYONS INDIFFÉRENTS À CETTE INDIFFÉRENCE :
 C'EST EN NOUS SEULEMENT QU'EXISTENT LES SAISONS.
 L'ÉTÉ M'EST GLACIAL, SI MON ÂME EST GRELOTTE,
 L'HIVER, ENSOLEILLÉ, SI J'AI CHAUD DANS LE CŒUR,
 SI JE SUIS GAI, JE RIS QUAND L'AUTOMNE SANGLOTE,
 UN PRINTEMPS SANS AMOUR N'EST QU'UN PRINTEMPS SANS
 [FLEUR.

(Le cœur à ses saisons)

Cảnh đã do tự tâm Như vậy thì thơ cũng do tự người. Theo CHATELAIN trong « *Les sources d'inspiration de la poésie contemporaine* » thì cái hay của thơ là ở tự thi - sĩ, cần phải biết rõ được mình, chứ không cốt phải tìm tòi ra được những sự mới lạ tự xưa chưa ai từng diễn tả ra, mà cũng không cốt ở cảnh. Từ cái bản ngã của cá nhân cho đến cõi vô cùng của vũ trụ, nhất thiết đều có thể làm tài liệu cho thi ca được cả . . . mà nhất thiết đều là do ở tâm nhà thi - sĩ cả. Nhà thi sĩ chớ nên hiểu cái nghĩa « dưỡng tâm » cho thực rõ sao ? !

Tràng-Kiều
 LÊ-TÀI-PHÚNG

Về lời văn của Bà SƯƠNG NGUYỆT ANH

Bà Sương-nguyệt-Anh là con gái bậc đại thi-sĩ Nam kỳ là cụ Đồ-Chiêu. Mấy năm trước đây, bà có bình bút tờ báo « *Nữ-giới chung* » ở Saigon. Tiếc vì ký-giả chưa được biết cái lịch sử của bà cho tường tận nhưng nghe đâu bà góa chồng lúc còn trẻ. Có một khi bà đến chùa Cây-mai ngoạn cảnh gặp tiết mùa đông, bông mai trở trắng, bà xúc cảnh vịnh một bài thơ « *hoa mai* » :

*Non linh đất phước trở hoa thân,
Riêng chiếm vườn hồng một cánh xuân.
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng,
Sương sa bóng nguyệt ánh màu ngần.
Mây lành gió tạnh nường hơi chánh,
Vóc ngọc mình băng bắt khói trần.
Sắc nước hương trời nên cảm mến,
Non linh đất phước trở hoa thân.*

Bài thơ này bà tự ví cái tấm lòng trong sạch của bà chẳng khác chi bông mai, và bà miêu tả : bà vẫn con nhà nền nếp trăm anh, cũng có tài tình như ai, song cái tài tình của bà là về phần đạo đức thanh cao, mà cái tấm lòng bảo thủ của bà vẫn giữ tuyết trong giá sạch.

X

Lại lúc ông Trần-khải-Sơ được thuyên bổ làm kinh-lược tỉnh Sadec, bà có tiễn một bài thơ như dưới đây :

*Ngàn xưa để mấy hội tao phùng,
Sadec nay thấy tách cõi đông.
Phong cảnh mặc dầu chia đất khác,
Nắng mưa đâu cũng đội trời chung.
Quê người tạm gửi nhành dương liễu,
Đường hoạn xin tròn phận kiếm cung.*

*Cái tác râu mày thì phải vậy,
Nặng bằng non Thái nhẹ bằng lông.*

Bài thơ này toàn là lời chơn chánh, mà ý khí lại hùng hồn, ai mới nghe qua ngỡ là một bức đại thi-ông làm ra, có dè đâu là hạng quần thoa mà tài cao như thế.

X

Còn lúc bà mới góa chồng, ông phủ Học có gởi cho bà một bài thơ có câu trêu hoa ghẹo nguyệt :

*Phải gần với nguyệt lúc lưng vơi,
Đặng hỏi hằng-nga nỗi sự đời.
Ở hạ mây mưa còn kém sắc,
Về thu non nước tỏ cùng nơi.
Hay trông Du-Lượng xây lầu rước,
Hoặc đợi Thanh liên cắt chén vơi.
Vóc ngọc há sòn cơn gió bụi,
Tài tình rõ mặt khá đua bơi.*

Xét ra bài thơ này cũng là lối thơ phong tình, song có vẻ thanh cao không đến nỗi tục tằn cho lắm. Lời nói toàn là trêu ghẹo bóng nguyệt khuyết, mà nguyệt tức là cái biểu hiện của bà vậy. Nay chúng ta đem lối văn của ông phủ Học mà sánh với văn của cụ Chiêu-Hồ ngày xưa, xướng họa cùng Hồ-xuân-Hương thì phần thanh nhã của ông phủ Học gấp mười cụ Chiêu-Hồ. Nhưng nếu đem nhưn cách mà sánh thì cụ Chiêu-Hồ chưa chắc đã kém ông phủ Học vậy, Chiêu-Hồ gặp phải tay Hồ-xuân-Hương là người lẳng lơ tục tằn, nên cụ dùng cách lẳng lơ tục tằn mà đáp lại. Còn ông phủ Học gặp bà Sương-nguyệt-Anh là bức thanh cao đoan chánh, nên phải dùng cách thanh cao đoan chánh mà đối trở lại. Bà có họa vịnh bài thơ của ông phủ Học trên kia như vậy :

*Hết lúc trăng đầy đến lúc vơi.
Dinh hư trong cuộc phải coi đời.
Vén mây bản thổ soi ngàn dặm,*

Háy nước cung thiềm tỏ khắp nơi.
 Nốt trí đưa gian hềm vẻ rạn,
 Vui lòng người triết thú đua bơi.
 Khởi giòng Hối-Thực ửng ra mặt,
 Đứng giữa trời xanh tiết chẳng dời.

Bài thơ của ông phủ có vẻ thanh nhã biết dường
 bao, mà bài họa của bà, ở câu luận bà còn trách cứ
 ông quá ư nghiêm khắc mà bà lại cương quyết rằng :
 không đổi tấm lòng son sắt của bà, và bà còn họa
 thêm một bài có ý tự thuật cái thân phận của bà :

Đường xa vơi vơi dặm vơi vơi,
 Nghĩ nổi mây xanh ngán sự đời.
 Biển ái sông ân, còn lắm lúc,
 Mây ngàn hạc nội, biết là nơi.
 Một giây oan trái rồi vay trả,
 Mấy cuộc tan thương há đổi đời.
 Chước quỷ mưu thần âu những kẻ!
 Gặp cơn nguy biến khó đua bơi.

Bài này bà tự than cái tiền đồ của bà còn rộng,
 tuổi xuân còn dài, biết có vượt khỏi biển ái sông ân,
 mà tiêu diêu chốn mây ngàn hạc nội chẳng ? Nhưng
 bà cũng tự quyết rằng đã rắc rối với giây oan trái, thì bà
 không thể đổi đời tấm lòng bảo thủ của bà, song bà
 còn có lời trọng hậu; e những chước quỷ mưu
 thần kia cứ luẩn quẩn làm cho bà là phận quần thoa góa
 bụa, biết có chống ngăn nổi với cơn ma tình ái đeo đuổi
 theo bên đó chẳng !

X

Lại một khi bà dạo cảnh chùa của một cô vãi mà
 bà đã quen biết, bà lặng cô vãi một bài thơ :

Vắng vỏi xa gần tiếng pháp-ohung,
 Tĩnh đời ấm lạnh đã nguôi lòng.
 Am thanh thăm thăm trần ai lặng,
 Các tịnh lâu lâu ngọc giá trong.

*Cánh cửa lờ bi nường phận bạc,
Mảnh hương tế độ nhuộm màu hồng.
Trời tây biển khổ xem ngao ngán,
Tĩnh giấc hoàng lương nguyệt nửa vòng.*

Xem bài thơ này bà tả ra rõ ràng cái chân tướng của cô vãi là bực chân tu đạo đức, mà cô đã từng nếm đủ mùi đời ấm lạnh, nay đem phận bạc gởi vào cửa Không, ngổ đặng tu tâm luyện tánh, vui thú thanh nhàn.

Xét kỹ bà Sương-nguyệt-Anh chẳng những là có thi tài mà thôi, bà lại gồm đủ cả đứơc-hạnh và tiết-tháo, thật đáng làm cái gương tốt cho chị em sau này noi theo con đường chơn chánh mà nổi bước.

Ký-giả viết sơ lược ra, xin lục-châu quân-tử có ai biết rõ cái lịch sử của bà, trước thuật thêm ra cũng chẳng phải là vô ích với đời vậy.

LONG GIANG-TỬ

ĐỖ PHONG-THUẬN

(Đ. N. N.)



CÙNG CÁC NGÀI CÓ CẢM TÌNH

Còn mấy thứ báo này, bản-chí cần tìm mà chưa có :

- | | |
|--------------------------|-------------------------|
| 1. — Đăng cổ tùng báo | 2. — Đồng văn tạp chí |
| 3. — Công báo in ở Hanoi | 4. — Nữ giới chung |
| 5. — Khai hóa nhật báo | 6. — Dân báo in ở Hanoi |

Trong bạn đọc-giả ai-có, xin gửi cho một số bất cứ số nào chúng tôi sẽ gửi biểu báo Văn-học hay một thứ sách gì.

Nếu các bạn không có mà biết ai có cũng làm ơn chỉ giùm cho bản-chí, bản-chí sẽ viết thư thẳng đến. Đa tạ.

V. H. T. C.

Dịch tiểu thuyết

(Tiếp theo bài SOẠN TIỂU-THUYẾT đăng ở số 28)

Soạn tiểu-thuyết đã khó, đến dịch tiểu-thuyết tưởng lại khó hơn. Khó là vì văn-chương mỗi nước có một cái hay riêng. Văn một nước lại dịch ra văn một nước khác dễ cái hay đã biểu-lộ ra được hết.

Phàm « học một thứ tiếng nước người thì càng học sâu bao nhiêu lại càng thấy không thể nào mà dịch cho đúng được những câu văn văn, hoặc cả đến các tản văn của tiếng nước ấy nữa. Lúc bấy giờ mới nhận ra rằng mỗi tiếng nói có cái phần đặc-biệt, cái tinh-hoa là không có thể có tài gì mang chuyển dịch sang tiếng nước khác được. Tiếng nói cũng tựa như những chiếc vòng tròn có thể đem sắp chồng lên nhau được, chứ không thể có cái vòng nào là bằng cái vòng nào, không thể cùng một trung-tâm, không thể cùng một khẩu-kính như nhau được. » (*A mesure qu'on pénètre davantage dans l'intimité d'une langue étrangère, on devient plus incapable de traduire des poèmes, ou même des ouvrages en prose écrits en cette langue. On s'aperçoit alors qu'aucune autre langue ne peut rendre ce qu'il y a en celle-ci de spécifique, ce qui en fait à la fois l'essence et la beauté. Les langues sont comme des cercles qui peuvent se juxtaposer, mais qui n'ont ni même centre, ni les rayons égaux.* — ERWIN ROHDE).

Xem như thế, thì người dịch phải cốt sao cho đúng với nguyên văn. Mà dù văn tàu hay văn tây, dịch được cho đúng đã khó rồi, thế mà người dịch lại còn phải dịch sao cho lộn được ra tiếng ta.

Ôi, lộn được ra tiếng ta tất không toàn đúng được lời văn ở nguyên bản, thế mà lấy cho đúng được vớ ở nguyên-bản tất không lộn được tiếng ta cho lắm. Soay đi, soay lại, được đăng nọ thì hỏng mất đăng kia, đó chả là hai điều khổ-tâm cho bao nhiêu dịch-giả.

Người dịch tất nhiên là phải tùy nghi mà chắm chước không nên nệ từng cái nhỏ để đến mất cả việc to.

Đến nhà dịch tiểu-thuyết lại khó hơn, nghĩa là trước khi dịch một thiên nào là đã phải đọc hết thiên ấy trước xem câu truyện đó nó kết-cấu thế nào. Tính-tình, phong-tục hoặc là cảnh là người nữa nó cũng phải thích-hợp với bên mình, nghĩa là cốt chuyện nó cũng phải phảng-phất giống như lối chuyện bên ta, mà lại phải hợp với lối chuyện kim-thời nữa.

Đại khái, dịch chuyện Tàu cứ nguyên-văn mà không có thêm nếm thay đổi chút gì thì cũng không coi sao được. Như việc « Thầy Mạnh, một khi về nhà, nhân thấy vợ đang cời trần mải đang dệt cửi nên không đứng giây mặc áo. Thầy Mạnh cũng cho là vô lễ mà đuổi đi » hoặc việc « thầy Mạnh sau lúc đã lấy vợ sắp sửa vào buồng thấy vợ đương cời trần, đầu hơi rối cũng cho là vô lễ mà không vào nữa » ... vân, vân.

Nếu cứ để nguyên thế mà diễn ra đã không khuyên giầy gì cho đời được lại chỉ gây thêm cho đời một trò cười (mà đọc câu chuyện như thế ai không buồn cười). Thành ra, muốn lấy cổ-nhân để làm cái gương cho đời soi mà hóa mang cổ-nhân ra cho đời họ đàm tiếu.

Nhà dịch tiểu-thuyết cần phải biết rằng mình có đầu phải là nhà khảo-cổ mà mang thuật lại cho người đời hay những câu chuyện nó đầy những cái khí-vị quá ư cổ-lỗ chất-phác.

Nếu phải là một nhà giáo-dục, muốn đem những chuyện hay của cổ-nhân để khuyên bảo người đời, hoặc phải lấy những chuyện cũ ra để chứng giải câu mình nói thì các sách tiểu-thuyết Tàu kia thiếu gì những chuyện trai lành, gái tốt, con thảo, mẹ hiền, nhưng cũng phải coi những chuyện đó làm thứ tài

liệu cho mình mà thôi, còn mình phải tùy-nghĩ chăm-chước mà lợi-dụng. nhân đấy mà kết-cấu, sắp đặt lại cho hoàn-toàn mới hay, mới hợp với cái mục đích dẫn dắt người ta bây giờ được.

Cho nên dịch văn đã lắm người kêu là khó, mà dịch những thiên kiệt tác, những chuyện ý nghĩa đã hoàn toàn, văn chương lại đặc biệt mới lại càng khó hơn.

Nhà dịch tiểu-thuyết cần phải có cái óc suy-nghĩ, lựa trồn, lại cần phải có biệt tài pho diễn nữa. Dịch tiểu thuyết tuy là dịch mà dịch-giả cũng phải đề riêng vào đấy một phần tim óc, tuy là dịch mà cái tài của dịch-giả (nếu dịch - giả đó có tài) ta vẫn thấy bày lên mặt giấy. Bởi thế mà tuy là tiểu thuyết phiên dịch ở một tiếng nước ngoài mà cũng là của riêng ta vậy.

Kể số nhiều — mà có kể nói được là hầu hết — những tiểu thuyết dịch xuất bản, in bán ở bên ta đều là dịch của Tàu và của Tây cá.

Tiểu thuyết của hai nước đó tuy đều là cái kho tài liệu phong phú cho nhà làm sách làm văn ta, nhưng các dịch - giả dùng nhiều tài liệu trong hai cái kho đó cũng phải nhận biết nó khác nhau thế nào.

Xét ra, các sách tiểu thuyết dịch của Tàu vẫn ít phần đặc sắc. Câu chuyện của người Tàu cách kết cấu thường không khéo mà lại hay giống nhau. Người thường năng xem chuyện, đọc đến giữa cuốn phần nhiều đã có thể biết cách kết cấu của chuyện ra sao rồi, hoặc cùng chấp cánh lên tiên, hay cùng hưởng phú quý vinh viễn, hay vui vầy cá nước duyên ưa là hết. Đến phần pho diễn lại cũng cùng theo chung một lối, đại khái chia ra thành mấy chương, mấy hồi. Mở đầu mỗi hồi hoặc mỗi chương là một đoạn văn tả cảnh, xuân thì lan, thu thì cúc, lễ lối tùy theo thời tiết . . .

Văn Tàu lại hay đối chọi nhau, mà đã đối chọi nhau thì cảnh tả sao diễn hết được mọi vẻ phong quang của

non nước, tình nói sao hết được mọi điều u-vẩn tận đáy lòng. Tiểu thuyết đã khuyết điểm vì cái văn đẽo gọt quá, lại thỉnh thoảng thêm vào mấy câu thơ cổ, mạch văn cũng không thay đổi, đọc dễ chán, lại cứ cuối hồi thì : « sống chết xem sau sẽ rõ . . . »

Cho nên tiểu thuyết tàu kém tiểu thuyết tây vì những chỗ đó.

Bên tây, các sách tiểu thuyết in ra hoặc in ở các báo chí không ngày nào là không có. Vì vậy người tây họ coi môn viết tiểu-thuyết là môn sở trường, nhà văn họ ai cũng đua viết.

Cách kết cấu và phô diễn của họ cách nào cũng khéo cũng tài cả. Ý-tứ đã dồi dào, văn chương lại trải trướt. Tiểu thuyết của họ, họ tuy cũng đặt ra, hoặc nhân sự thực thêm nếm vào, nhưng được cái ngọn bút sành sỏi, có lịch duyệt của họ viết đến đâu thấu hẳn đến đấy, câu chuyện họ viết ra là câu chuyện tình chẳng, thì hoặc cái tình cao thượng hay đê hèn, rõ hết ra cao thượng, đê hèn ; nó thiết thực hay viễn vông mà vẫn tóm lại được một điều u-uẩn trong đáy lòng người ; — Câu chuyện họ viết ra là chuyện đứng anh hùng liệt sỹ hay kẻ đê mặt, ti-ô chẳng, thì anh hùng rõ ra anh hùng, đê mặt rõ ra đê mặt, — hay là câu chuyện truyền kỳ (romans d'aventures) do trí tưởng tượng của họ bịa đặt ra, thì cảnh nào cũng như sắp vào cảnh ấy, rõ là như thực vậy — đến những nhà học thức cao thâm đến bậc nào, đọc tới cũng phải tự lấy làm vui làm thích.

Còn tiểu thuyết của nước mình. . . ! Tuy đã hơn trước nhiều, song tiểu thuyết của nước mình cũng còn là cái nghề mới, tưởng nhà viết tiểu thuyết bên mình cũng nên xem qua của người đề mà học tập sửa sang, hoặc có tài dịch thì dịch ra được cho toàn quốc dân biết nữa lại càng là hay lắm.

Nhưng mà...

dịch thể nào cho đặc thể, cho lưu - loát, cho lời văn không bao giờ phải vì sự phiên dịch nó bó buộc? Dịch thể nào cho được tự nhiên, cho có ý vị văn chương dỗi dào phong phú khiến người đọc chỉ xem có bản dịch cũng đủ lấy làm khoái-trí? Người dịch tiểu thuyết tuy theo lối văn nước ngoài mà trên dưới, trước sau ... cũng phải chọn lọc, cũng phải sửa soạn, xếp đặt, chú trọng vào tinh thần quốc-văn, như thể bản dịch mới mong hoàn - toàn mà tiểu thuyết mới mong có giá trị được.

Tràng - Kiều
LÊ-TÀI-PHÚNG



CẢM TƯƠNG VỀ TRUYỆN

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN

của ông Khái-Hưng

Quýn *Hồn - Bướm Mơ - Tiên* của ông Khái-Hưng ra đời, trong văn-giới, đã có một vài nhà bình-bút phê bình đến. Tôi tưởng đến lượt tôi, không cần phải giới thiệu và phê bình nữa. Trong bài này, tôi chỉ muốn tỏ mấy cái thiện-kiến đối với quýn *H. B. M. T.* mà thôi.

.... Chỉ là một câu truyện tình rất tầm thường vẫn xảy ra giữa đôi trai gái thanh-niên. Nhưng, tác-giả đã khéo dụng công tô-diểm cho cái ái-tình trở nên thuần khiết hơn nghiêm. Cái sự « siêu phàm » đó, do bởi một « cuộc xung-đột » của ái-tình và tôn giáo : kết cục, LAN, NGỌC (vai chủ động trong truyện) đành yêu nhau bằng lý-tưởng.

Cái tình sử ấy đã gọi mỗi thương tâm cho kẻ đọc, lại thêm lời văn dẫn đi uyển-chuyển khiến lòng càng muôn phần cảm động, cái cảm-giác nhẹ nhàng lẫn với cái buồn vẩn-vơ man-mác ...

X

Đứng về phương-diện mỹ-thuật mà phê-bình, theo thiện ý, quýn *H. B. M. T.* là một tác-phẩm văn-ngệ có giá-trị. Một nhà văn-sĩ đương kim, ông Henry-Marx, khi bàn về « THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT » (ART ET LES ARTS) đã có nói : « Sự phê bình văn thường có tính tự-cao tự-đại thái quá ; khi giám thưởng một tác-phẩm nào mà cứ bắt buộc phải cho 'xác-lý, chân thực, linh động thì không hiểu nghĩa thuật là gì vì thuật là phản lại chân-lý thiết-thực vậy. (Quand la Critique, à la vanité infinie, exige devant l'œuvre qu'elle juge, qu'elle soit

vraie, réelle et vivante, elle est ignorante du sens de l'art, qui est mensonge devant les vérités réelles).

Câu ấy có ý nghĩa là khi nghệ-thuật chủ trương về cái đẹp của nhân-sinh hay vũ-trụ thì chỉ vụ về sự phô diễn mô tả cảnh vật, thể theo phép tắc, sao cho hoàn toàn mỹ lệ, bất câu là cái đẹp có thực hay hư. Về phần này, tôi tưởng không cần phải bàn thêm giải lời.

Song le, nói về chỗ tác dụng của quyền *H. B. M. T.*, nghĩa là về chỗ chân-lý thiết thực của nghệ thuật có ảnh hưởng đến tâm hồn người đọc thì hình như còn có điều đáng nên bàn-luận.

Có người hỏi: quyền *H. B. M. T.* ra đời có thích-dụng với thời đại không? Muốn trả lời cho câu hỏi này, lý đương nhiên là phải đề-cập đến vấn-đề Phật-giáo, vì ta nên nhận biết tác-giả đã mượn « áo thầy tu » để khoác vào ái-tình cho có vẻ siêu phàm bất-tục.

Thật là một vấn-đề trọng đại, tôi tự lượng trước trí-thức không đủ tài-liệu để nghị luận cho xác đáng được. Song, khốn nỗi, chính bởi cái chỗ « yếu điểm » này mà ta quy - công cho tác-giả và cũng bởi đấy, công-trình trừ-thuật của tác-giả mới không đến nỗi vô ích. Vậy, ta cần phải xét xem tôn-giáo, bất luận là tôn-giáo nào có thể làm tiêu chuẩn cho sự tiến bộ của loài người không, và, sau-hết, có ảnh hưởng đến tinh thần quốc-gia không?

X

Ai cũng biết các tôn-giáo, không có một tôn-giáo nào xiển minh cái chủ nghĩa lạc quan, không có một tôn giáo nào dạy ta cái đạo yêu đời, sống chung với loài người, chia vui sẻ thảm với nhân loại một cách thiết thực cả.

Nói về Phật giáo, thì cho đời người là « thành sầu, bể thảm », tri luận rằng: sống là khổ, ước ao là khổ, diệt dục tu tâm mới là sung sướng.

Sống đã là khổ, thì tất nhiên đối với thân mình chỉ coi như một tội nhân lưu đồ khổ ải, và đối với sự vật chung quanh mình chỉ có những tư tưởng lạnh lùng chán nản. Nhân loại chỉ là một cái nhà mồ đen tối, chông chắt lấp vùi những nỗi oán mộ đau thương: tai nạn, ốm đau, già yếu, v. v. đều là những nghiệp chương của muôn vật hữu hình ở trần gian.

Song xét ra cho kỹ, muôn sự khổ não đau thương nhất thiết đều bởi tại tâm gây ra cả. Người ta khổ là vì người ta thường hay có những thú dục ham muốn, ước ao điều này, điều nọ, mơ tưởng những truyện giàu sang, hy vọng những cảnh sung sướng về vật chất. Dịch địa có đạt được những điều nguyện vọng của tâm, thì sự hạnh phúc cũng mỏng manh lắm, đến khi tỉnh thức lại càng thêm ảo não chua cay.

Đời người chỉ là bào ảnh bình bồng phiêu dạt trên bề khổ mà cùng với vạn vật đều hủy nát tiêu mòn.... Không có gì bền bỉ vững trắc ở trần gian. Nhưng, trong cái cảnh vạn vật luân chuyển hư ảo, bi thương ấy, lại có một cái thế giới bất di bất dịch, tận thiện, tận mỹ, là cõi Nát-Bàn. Cõi Nát-Bàn, một cái thế giới cực lạc trong lý tưởng.

Chúng sinh ai muốn lên cõi «thiên đường» để hưởng những cảnh bồng lai tiên thánh thì phải diệt dục trước đã, nghĩa là phải bỏ hết những sự ham muốn của xác thịt, phải cắt hết những giây tình ái với đời, nói tóm lại, phải đoạn tuyệt tục trần mới được. Đối với sự vật ở đời, ta chỉ nên đem lòng từ bi thương xót để tế-độ chúng sinh, đem lòng xả tử để cảnh tỉnh cảm hóa muôn vật muôn loài, và để gây lấy một cái tình bác ái bình đẳng, hòa bình vô thủy vô biên, không những trong xã hội loài người, mà cả trong xã hội các loài giống khác nữa.

X

Đại để, cái lý thuyết của Phật giáo tóm tắt là như thế.

Về phần tinh túy cao siêu của cái lý thuyết ấy, tôi dám chắc trí người hãy còn mờ mờ mịt mịt, mà dẫu cho đến kẻ thể thượng vong tình cũng chưa chắc hẳn đã làm trọn được một hai điều răn của Phật-Tổ. Song nói về cái chỗ « khả thủ » thì một cái học thuyết nào dẫu uyên áo đến đâu, mà không hưởng ứng với « tình thường » của quần chúng cũng chỉ là viễn vông, huyền hoặc không bổ ích gì đến cuộc sinh tồn của ta vậy.

Cái « tình thường » của quần chúng là phải thờ một cái đạo phẩn đấu, hay nếu cần cấp, cái đạo thượng võ. Tuy đối với con mắt nhà tu hành, cái đạo nhân sinh (religion humaine) có vẻ trần tục thực, nhưng hễ khi các bầy chiến nhân loại đã nhất lòng tín ngưỡng thờ phụng, thì cuộc đời của họ trở nên sáng sủa ấm áp ngay. Họ sẽ nhận chân thấy cái nghĩa sống của họ, và cuộc sinh hoạt nhân dấy, cũng cứ một ngày một thanh thoi, đầy đủ, tốt đẹp thêm hơn....

Người ta bao giờ cũng chỉ là người. Nhân loại cũng chỉ là một người. Cái hạnh phúc của cá nhân là cái hạnh phúc — tôi nói cái hạnh phúc thiết thực — chung của nhân loại. Trong một người, tất cả các cơ quan nhất nhất phải làm lụng để cung cấp cho sự sống của thân thể, thì trong nhân loại nhất thể có gồm tất cả các phần tử, đều phải đồng lao cộng tác để bảo tồn và duy trì lấy sự sống chung. Muốn cho cuộc sống chung được hoàn toàn phát triển, theo luật cung cầu, thì mọi người phải coi sự sống, sự ước ao mơ tưởng vừa là QUYỀN lại vừa là BỒN PHẬN.

Tôi nói thế nghĩa là làm người ai cũng có QUYỀN muốn có cái phần ta (le moi) được phát triển đầy đủ, và nhận lấy một sự « bắt buộc » làm BỒN PHẬN thiêng liêng tôn trọng của đời mình, làm cho cuộc sống được càng ngày càng dồi dào phong phú....

Thật vậy, có biết sống là vui, biết ước ao mơ tưởng là sung sướng, thì người ta mới có « khí » hăng hái

đảm đương, mới có tài sáng tạo, mới có trí kinh doanh mà rồi bao nhiêu những vấn đề quan trọng thiết dụng đến nhân sinh và vũ trụ cũng mới có thể giải quyết được dễ dàng. Trong các giới, chính trị, kinh tế, kỹ nghệ, khoa học, văn chương, v. v. nhất nhất cũng đều nhờ lẽ «hiếu sinh» càng được muôn phần hoàn bị vậy.

Xem như thế, trong tất cả một cái đạo học của Phật - tổ không có một điều nào thích hợp hưởng ứng với chủ nghĩa nhân sinh, còn nói chi ảnh hưởng đến tinh thần chủng tộc quốc gia nữa. Một chứng cứ hiển nhiên cho ta thấy cái vô hiệu lực của Tôn giáo, là hiện nay các cường quốc đương «ăn thua nhau» ở chỗ «đại bác, lầu ngầm» Tôn giáo có thuật phép gì mâu nhiệm hãy đem ra phù trì nhân loại trong cơn nước lửa này, đem ra Hội - nghị Tài - binh giải quyết hộ cho các liệt cường xung đột nhau về lợi quyền mâu thuẫn? Ôi, những chữ hòa bình, bác ái, bình đẳng, tự do chỉ là những chữ rỗng tuếch vô nghĩa lý, ư? chỉ là những cái mộng tưởng tốt đẹp không bao giờ thực hiện ư? — Những chữ ấy đọc lên nghĩa uyển chuyển lạ lùng, khoái tai, sững miệng không phải là những nét viết bằng huyết hãn của nhân loại ư!

Nước Tàu là nơi đạo Phật thịnh hành hơn đâu hết : đình chùa cung điện chỗ nào, số nào cũng thấy có, đủ tỏ ra con cháu cụ Tôn-dật-Tiên sùng bái tôn giáo hơn ai hết. Cứ thế... tin ở cõi Nát-bàn của Siadhartha — ông thủy tổ của Phật giáo — hơn mấy nghìn năm nay đề đến nỗi ông Nhật «nhờ nhẹ» đất Mãn châu đem về cõi Nát bàn ở... đất Phù Tang, bao giờ không biết. ...Trong nước thì chia ra từng đảng phái, mạnh ai nấy được, A di đà phật! tàn sát lẫn nhau, lục đục chi đó, chẳng còn tưởng chi đến đồng bào, đồng chủng! Nghĩ người, ngắm mình, bất giác sinh bao lòng hoài cảm....

Trong thế giới loài người còn có sự mâu thuẫn về quyền lợi, thì cũng còn có sự phân tranh quyết liệt

huyết chiến kinh hồn. Giải quyết được những sự tréo ngoe lệch đó, nhất quyết không phải là nhờ ở cái phương pháp « tĩnh tọa trầm tư » hay ở cái đức từ bi « tát má này, gior má nọ » được đâu ! Không ! phải có một cái đạo thiết thực thay ngay vào đây ! Phải có một cái đạo phấn đấu, phải có một cái đạo thượng võ ! Như trên tôi đã nói, muốn sinh tồn cho đầy đủ, mọi người trong chúng ta phải thờ một cái đạo dạy biết yêu đời, biết yêu cái tính tự cường, tự trị, yêu cái tính thần phấn đấu để chấn chỉnh lại cuộc đời cho có trật tự dịp dàng tốt đẹp.

Ta phải lấy đó làm phương tiện chân chính cao thượng để diu giắt ta đến cõi Nát bàn ở trần gian, khác hẳn với cõi Nát bàn trong mộng tưởng.

X

Những ý kiến tôi vừa biện bạch ra đây, tưởng đã quá thừa đủ để đáp lại mấy câu hỏi trên kia về quyền *Hồn Bướm Mơ Tiên*. Ai đã đọc qua, chắc cũng đều nhận thấy sự « đi tu » của cô LAN là vô ý thức đối với cái tôn chỉ của đời người.

..... Về phần tôi, tôi dám quả quyết kết luận rằng : tác giả KHÁI-HUNG đem phổ diễn câu chuyện ái tình này, nếu chẳng có cao vọng gì khác hơn là tỏ cho ta biết một sự tin tưởng sai lầm về tôn giáo đến nỗi quên cả nghĩa vụ làm người trong xã hội, thì tất viết — xin lỗi ông Khải Hưng — chỉ để cho thỏa cái « thị hiếu lãng mạn » say sưa của tuổi thanh niên, không có một quan niệm chính đáng thiết thực về cuộc đời vậy.

X

Mục đích bài này không chủ bàn về Phật giáo và cũng không có ý gì bài bác cái « cảm tình tôn giáo » cả. Tôi vẫn mong và vẫn tin rằng người ta khi đã bước vào một cái thế giới đại đồng cần phải nhờ « nó » để châm chước cho cái « tôn giáo tranh đấu » mà cái thiện cùng nâng cao cuộc đời cho có ý nghĩa thêm hơn.

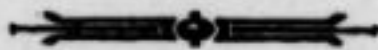
Tôi viết bài này, xin nhắc lại, không có cao vọng gì khác hơn là chỉ mong mấy cái thiện kiến trên đây sẽ giúp ích cho những khối óc còn thiếu chí suy xét phán đoán trong khi mơ màng với quyển *Hồn Bướm Mơ Tiên* cũng như với bao nhiêu truyện «*Tình Sử*» khác vậy.

HỒNG - ĐIỀU

(Soái-riêng)



NGỌC KHÔNG CÓ VẾT ĐÁU!



Trong bài thơ «*Chợ trời*» có hai câu :

*Bày hàng, hoa quả tư mùa đủ,
Mở phố, giang sơn bốn mặt ngồi.*

Ở V. H. số trước, ông Đông-hồ chép bài thơ ấy, sau chữ «*bày hàng*» với chữ «*mở phố*», (1) không có cái phẩy (,), nên ông cắt nghĩa chữ «*ngồi*» cho là cái phố ngồi! Không phải! Giang sơn ngồi mới phải. Đứng trên chợ trời mà trông bốn phía thì thấy những sông con quần quèo chung quanh Hát-giang (sông Đáy) đặng Đông, những núi đá con lô nhô như những núi ở vịnh Hạ-long vậy. Những sông kia nhất là những núi nọ ở chung quanh chợ trời khác nào như những người ngồi bán hàng vậy. Chữ «*ngồi*» thật là hay. Bài thơ được toàn bích, ngọc không có vết đau!

BÙI-ÍTẾN-RÍNH

1.— Phố : 鋪, 舖, 埔, là cửa hàng phố 鋪 ra ngoài.

DỊCH PHÁP VĂN

L'isolement

Lamartine

Souvent sur la montagne, à l'ombre du vieux chêne,
Au coucher du soleil, tristement je m'assieds ;
Je promène au hasard mes regards sur la plaine,
Dont le tableau changeant se déroule à mes pieds.

Ici gronde le fleuve aux vagues écumantes ;
Il serpente, et s'enfonce en un lointain obscur ;
Là le lac immobile étend ses eaux dormantes,
Où l'étoile du soir se lève dans l'azur.

Au sommet de ces monts couronnés de bois sombres,
Le crépuscule encor jette un dernier rayon ;
Et le char vapoureux de la reine des ombres,
Monte, et blanchit déjà les bords de l'horizon.

Cependant, s'élançant de la flèche gothique,
Un son religieux se répand dans les airs :
Le voyageur s'arrête, et la cloche rustique,
Aux derniers bruits du jour mêle de saints concerts.

Mais à ces doux tableaux mon âme indifférente,
N'éprouve devant eux ni charme ni transports ;
Je contemple la terre ainsi qu'une ombre errante :
Le soleil des vivants n'échauffe plus les morts.

De colline en colline en vain portant ma vue,
Du sud à l'aquilon, de l'aurore au couchant,
Je parcours tous les points de l'immense étendue,
Et je dis : « Nulle part le bonheur ne m'attend »

Que ne font ces vallons, ces palais, ces chaumières,
Vains objets dont pour moi le charme est envolé ?

LÚC MỘT MÌNH

Thường khi trong buổi hoàng hôn,
Gốc sên ngồi nghỉ, trên non một mình.
Buồn trông đồng rộng mông mênh,
Bức tranh thiên tạo ra hình đôi thay.

Sóng vang sông cái bên này,
Quanh co uốn khúc sông nay xa mờ.
Bên kia hồ lặng như tờ,
Sao hôm tựa dưới nước hồ mọc lên.

Quanh non cảnh lá tối đen,
Đỉnh sơn bóng ác chiếu lên tia cùng.
Gương nga nhẹ bước thung dung,
Chân gò đã mọc sáng chùng một vùng.

Nhưng từ ngọn tháp nhà chung,
Tiếng chuông đạo thánh đã tung lên giờ.
Khách liền đứng lại ngần ngừ,
Tiếng chuông lẫn tiếng sồn sột hết ngày.

Thiên nhiên cảnh vật đẹp thay,
Song ta chẳng mẩn, chẳng say chút nào.
Ngắm xem cõi thế ra sao?
Khác nào bóng tối lao đao trên đường.
Nào đâu ánh sáng thái dương?
Dưới âm kẻ thác nấu nung khỏi rồi!

Vân vợ nhìn ngắm từng đồi,
Từ nam sang bắc, lại rồi đông tây.
Bơ vợ nhìn khắp đó đây,
Nghĩ: "Đâu phúc đức ngày rầy đợi tôi?!"

Nhà danh vách đất, lâu đài,
Cùng là tiền lũy ta thời dựng dựng.

Fleuves, rochers, forêts, solitudes si chères,
Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé !

Que ne puis-je, porté sur le char de l'aurore,
Vague objet de mes vœux, m'élancer jusqu'à toi !
Sur la terre d'exil pourquoi resté-je encore ?
Il n'est rien de commun entre la terre et moi.

Quand la feuille des bois tombe dans la prairie,
Le vent du soir s'élève et l'arrache aux vallons :
Et moi, je suis semblable à la feuille flétrie.
Emportez moi comme elle, orageux aquilons !

LAMARTINE



Tin làng ba'o

1. Báo ĐỒNG-NAI in tại Saigon mới có nghị định không cho xuất bản trong hạn 3 tháng.
2. Báo THANH-NIÊN do ông Ngạc-văn-Đồng làm chủ nhiệm đến 20 Janvier 1934 này lại tái bản, tòa báo ở 46, phố hàng Đồng, Hanoi.
3. Báo SAO-MAI do ông Trần - Bá - Vinh, dân-biểu Trung - kỳ ở Vinh, đã xuất bản ngày 12 Janvier 1934. Báo ra mỗi tuần một kỳ, mỗi tháng có 2 kỳ phụ-trương Pháp - văn. Tòa báo ở 113, Phố Maréchal Foch Vinh.
4. Ông Cung-giu-Nguyễn mới cho tin hay rằng đến 15 Février 1934 ông sẽ cho xuất-bản tại Nha-Trang

Nào sông, nào núi, nào rừng,
Chỉ một người vắng, vô chừng quạnh hiu !

Vùng ô ta mẩn mẩn yêu,
Ước gì có thể được theo lên cùng,
Dưới trần đầy-đọa khôn cùng !
Với ta cõi thế tình chung có gì ? !
Cõi trần đứng nữa làm chi ?
Thái-dương lên tới ấy thì ta mong !

Nhìn xem lá rụng dưới đồng,
Gió chiều một trận, lá vàng xa bay.
Hoa tàn, lá rụng lìa cây,
Cùng hoa với lá ta nay khác gì ?
Cuồng-phong mang vút ta đi,
Cũng như chiếc lá phân ly lìa cành !

Giáo học TRẦN-XUÂN-THIỆN dịch

(Tiếp theo cuối trang trên)

tờ Nguyệt báo TƯƠNG-LAI TẬP-CHÍ bằng quốc văn có phụ trương Pháp-văn. Mục đích là để làm cơ quan cho thanh niên và truyền bá tư tưởng cùng học thuật. Tòa báo ở 27b, con đường Thuộc-địa, Nha-Trang.

5. Nguyệt san Phật học VIÊN ÂM đã xuất bản ngày 1er Décembre 1933. Giá báo mỗi năm 2\$, mỗi quyền 0\$20. Tòa soạn tại : 13 Rue Champeau, Hué. Thư từ, Mandat gửi cho ông Lê-dinh-Thám, Médecin indochinois du cadre latéral, Hué (Boite postale N° 73).

Đối với bạn Đồng-Nai, bản-chí tỏ lòng mẩn tiếc.
Đối với các bạn sắp ra đời, bản-chí cầu cho chóng ra, còn đối với bạn đã xuất bản bản-chí xin chúc cho được trảng thọ.

VƯỜN VĂN

I.— TÍNH THIỆN CỦA NGƯỜI

Mặt trăng soi xuống muôn mặt sông, sông nào cũng có bóng sáng của trăng ; trời sinh ra mọi người, người nào cũng có tính thiện của trời. Bóng thì chẳng đâu là không sáng ; tính thì chẳng ai là không lành. Vậy mà cũng có chỗ sáng, chỗ không sáng, là vì nước có chỗ trong chỗ đục khác nhau vậy ; cũng có người thiện người bất thiện, là vì khi bầm có người thuần người tạp khác nhau vậy. Nếu nước làm cho trong trẻo, thì trăng nào cũng sáng ; người có công rèn dũa thì tính nào cũng lành.

BÙI KỶ

X

Nghĩa chữ. 1.— : *Tính thiện* : tính lành, muốn làm điều phải. 2.— *Khi bầm* : cái chất trong mình để giữ cho người ta sống. Người ta mạnh giỏi là khi bầm tốt, đau yếu là khi bầm xấu. *Khi bầm* ở đây là riêng chỉ cho lòng người ta, tính tình người ta, không nói về sự mạnh yếu. 3.— *Thuần* : Tốt, duy chỉ có chất tốt. 4.— *Tạp* : lộn sộn, đây là nói có nhiều chất xấu lộn vào. 5.— *Rèn dũa* : đây là sửa mình. ý nói như muốn sửa sang một món vật gì phải gọt đẽo dũa mài. rèn sửa nhiều công phu.

Ý văn.— Đại ý bài này là nói người nào cũng đều có lòng lành tính tốt cả, mà ai cũng đều có thể sửa mình làm được người lành người tốt cả. Bài chia làm ba đoạn : I.— Đoạn đầu nói : Trời sinh ra người ta ai ai cũng đều sẵn có tính tốt lòng lành cả ví như bóng trăng soi xuống mặt sông thì chỗ nào trăng cũng soi đến cả. II.— Đoạn thứ hai nói : Nhưng cũng có người độc ác hung dữ, đó là những người không biết giữ gìn sửa đổi thân mình để cho nó tạp nhiễm phải nhiều cái hư cái xấu thì cái lòng lành tính tốt của trời cũng không phát sinh ra được nữa. Ví cái lòng lành tính tốt của trời phú cho người ta như cái bóng trăng mà người ta như nước sông. Trăng mà sáng được hay không sáng được đó là bởi nước sông trong hay đục chứ không phải bởi bóng trăng, nước sông mà đục thì

trăng muốn sáng cũng không được. III — Đoạn thứ ba nói : Không có tâm tính ai là tâm tính ác cả, ác ấy là bởi mình tập nhiễm mà thôi cho nên nếu biết dạy dỗ biết học tập thì ai cũng nên được người hay người lành cả.

ĐÔNG-HỒ

II.— TRÁCH THÚY - UYÊN

Chao ôi ! Thúi - Uyên nhầm lắm ! Thúi - Uyên nhầm lắm ! Cái nhầm ấy thực có quan hệ rất lớn đến cái đời sống của em về mai sau. Em là người có học, có sao lại không biết khéo dụng chữ tình ? Con người ta dùng tình, nên biết dùng vào chỗ nên dùng, chứ không nên nhầm mắt dùng liều, làm cái lỗi nhất được nhì thua, mà mua sấu chuốc nã vào thân, rất không phải nhỏ. Dùng tình mà liều lĩnh, mà không biết dẫn đo sau trước, xưa nay chả đã có biết bao nhiêu cái hồn oan chìm đắm ở trong bể nghiệt, ba sinh thoát đã tàn giấc mộng, trăm năm còn để lại trò cười, xây chân mang giận nghìn đời, ngoảnh đầu lại đã ra người cừu - nguyên đấy ư ? Sao em không biết rằng : khách là một kẻ giang hồ phiêu đảng, nay đó mai đây, hợp ít tan nhiều, bốn bề không đâu là định sở. Em lấy một tấm thân như nắm bông trắng nõn, quyết đem bám bấu vào sợi tơ giới, để mong nhờ sức nó đưa lên nghìn trùng mây biếc ; nhưng sao chẳng lo đến nổi gió kếp mưa đơn, giập vùi tan ác, bấy giờ em lằm tã trong mưa, toi bời trước gió, thân em lúc ấy, cái tình cảnh trời dạt, mới càng thấm thiết biết là bao !

Trích trong tiểu-thuyết « Mặt nước cánh hoa »

của NGÔ-VĂN-TRIÊN



Nghĩa chữ 1.— *Thúi-Uyên* : tên một vai chính trong truyện « Mặt nước cánh hoa » 2. — *Ba sinh* : ba kiếp, thường nói về nhân duyên vợ chồng mà bảo là đã có nợ nần hoặc hò hẹn

từ mấy kiếp trước. 3. — *Cửu nguyên* : chín gò, cũng như nói cửu toàn : chín tuổi, đều trở về âm ty. 4. — *Giang hồ phiêu dăng* : trôi dạt ở sông nọ bến kia, nói về cái cảnh hưởng của người lang thang nay đây mai đó. 5. — *Tơ giời* : những sợi tơ trắng thường bay vờ ở trong không.

Ý văn : Đoạn này tác giả trách người con gái là Thúy Uyên đã dụng tình một cách sai lầm, mà không biết dẫn đo suy nghĩ. Con người ta, đến cái ái tình thường vẫn hay vui mắt. Người con gái dễ lòng yêu người con trai hay người con trai dễ lòng yêu người con gái, thường cứ nhìn thẳng vào người yêu làm cái đích mình phải bước tới rồi cứ bước liều bước lĩnh không hề chịu nhìn xem quãng đường từ chỗ mình đến chỗ cái đích nó có cái gì nguy hiểm không, nó có dễ dàng mà đạt tới cái đích được không. Đã nhắm mắt bước liều thì tài nào tránh khỏi những sự không hay, cho nên xưa nay đã biết bao nhiêu kẻ gặp phải sự thất ý ở trong tình trường, khiến cho tình ái tình ân mà rồi biến ra tình hận, tình bi, tình cừ, tình oán, hoặc đến bỏ mạng về tình nữa. Sở dĩ đến thế đều là vì những kẻ dụng tình vào cái chỗ rất chẳng nên dùng. Tức như người con gái trong truyện «Mặt nước cánh hoa» là Thúy Uyên trong cơn bèo nước bâng khuâng, vội đem tấm tình yêu của mình mà san xẻ cho một người khách viễn phương, muốn đem một sợi tơ điều buộc chân du tử ; đến nỗi rồi chẳng được như nguyện mà làm cho trong khoảng trời oan bể dạn lại thêm vào một cái hồn ma. Tác giả nhân trách Thúy Uyên là một người con gái thơ ngây nông nổi đã dụng tình một cách sai lầm, nhân thế cũng đề cảnh cáo chung cho tất cả những khách si tình trong thiên hạ. Ba sinh thoát đã tàn giấc mộng, trăm năm còn để lại trò cười, xây chân mang giận nghìn đời, ngoảnh đầu lại đã ra người cửu nguyên, những khách si tình nghe đó, chẳng nên tự lấy làm rần ư ?

N. S.



Tiếng đàn ai ?

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

Dêm ấy là một đêm mùa thu năm 1929, khách có dịp qua chơi Nam-định, nằm tại nhà một người quen ở phố Hàng Đồng. Chủ-nhân đề khách nằm một mình trên cái thư lâu, sau khi đọc hết một tờ báo, khách vào màn đắp chăn nằm ngủ. Đêm khuya canh tàn, bàng hoàng chợt tỉnh, ngọn đèn con trên án lờ mờ sắp tắt, khách ngồi trở dậy, khêu sáng ngọn đèn lên, rồi rút vài quyển sách trong đồng toan lại kê dưới đèn để xem. Nhưng, lọt qua khe cửa, tỉnh tỉnh tang mấy tiếng tơ đồng. Khách lấy làm ngạc nhiên, khuya khoắt đêm tàn, ai đó hãy còn ngồi gảy nguyệt ? Lắng nghe tiếng đàn thì thấy là một khúc điệu rất náo nùng rất ai oán ; hòa với tiếng đàn, lại có tiếng hát nữa, song câu hát không nghe được tường. Khách bèn đứng dậy, mở cửa ra sân lâu. Bấy giờ sao tàn trắng nhạt, gió lạnh sương bay, bốn bề lặng phắc như tờ, tiếng đàn ai gảy lúc khuya canh, càng đưa lọt vào tai như rót. Nguyên tiếng ấy phát ra từ một từng lầu ở ngay bên cạnh cái sân lâu khách đứng, tiếng đàn chen tiếng hát, mà nghe giọng hát thì là giọng của một người con gái còn trẻ trung. Người tài nữ trẻ trung, chẳng hay cảnh ngộ thế nào, mà trong khi « dừng kim thiếu phụ xếp thêu thừa, màn gấm bình mây khép cánh thu (1) », riêng tài nữ ấy lại ngồi ôm đàn mà gảy nên một khúc đoạn trường như vậy ! Khách đứng tựa bên bức bao lan, lắng nghe những tiếng ấy đưa lọt ra từ khe cửa chớp. Khách chú ý thử nghe câu hát, thì thấy hát rằng :

1) Hai câu này dịch ở hai câu thơ Đường : Thù gia thiếu phụ sự uyên ky, cầm mạc vân bình thâm yếm phi, nói về những người đàn bà phong lưu phú quý.

I

« Thương cho mình !
 « Ngán cho mình !
 « Số phận ai rằng khác Tiểu Thanh (1)
 « Bụi hồng mù mịt,
 « Nào ai người mắt xanh ? »

II

« Trăng thu tàn !
 « Đêm thu tàn !
 « Sương thu lạnh ngắt thấu buồng lan.
 « Chăn đơn gối mảnh,
 « Bi thu gầy khúc đàn ».

Tiếng hát ai oán, tiếng đàn ai oán, làm cho khách ghê rợn cả người, không sao mà cầm lòng cho được. Vả nghe ý trong câu hát thì hình như người con gái ấy không phải là gái chưa chồng, mà là gái có chồng nhưng mà bạc phận; chẳng thế, sao lại tự ví mình như nàng Tiểu-Thanh ? Một lát, tiếng hát dứt, nhưng tiếng đàn vẫn dẻo dắt nỉ non; lại một lúc nữa, nghe thấy « phụt » một tiếng: dây đàn đứt ! Khách có ý cảm thương một người con gái có tài nghệ, mà sống trong cảnh ngộ không may, bất giác thở dài một tiếng, rồi vì ai than một câu rằng :

« Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa ! »

Tiếng đọc khí to, sợ người son gái ấy nghe thấy, khách vội quay trở vào trong nhà, định sớm ngày mai sẽ hỏi chủ nhân, hoặc có biết rõ được lai lịch của người con gái. Song sớm mai đây, từ biệt sớm, quên không kịp hỏi. Từ đấy nước chảy mây trôi, khách chưa có dịp nào tái đáo Nam-thành nữa, song thỉnh thoảng nhớ đến cuộc nghe đàn đêm ấy, nhớ đến người con gái ấy, tắc lòng còn vô hạn thê lương,

Thoi đưa ngày tháng, thấm thoát đã đến năm 1932.

1.—Một người con gái có tài có sắc ở đời Minh phải lấy chồng làm lẽ, bị vợ cả vui dập hất hủi.

Một hôm cũng lại đêm mùa thu, khách nhân cùng mấy bạn, đến mua cưỡi ở xóm Khâm-Thiên, (một xóm cầm ca ở cạnh thành Hà-nội). Cuộc hát hôm ấy có đầu Oanh ra hát, người được cả thanh lẫn sắc, cử tọa đều xúng ý vô cùng. Lúc nghỉ hát, đầu Oanh lại tự ôm cây đàn mà dạo một khúc. Tiếng đàn đầu Oanh gảy, nỉ non thánh thót, làm cho khách phải hoảng nhiên sức nghĩ đến cái đêm nghe đàn ở dưới thành Nam mấy năm về trước, tiếng đàn đêm nay với tiếng đàn đêm ấy, sao lại cùng một điệu thiết tha ai oán, tựa hồ như bởi tay một người gảy ra. Mấy người ngồi đấy, thấy đều khen đầu Oanh giỏi đàn, nhưng cũng đều bảo sao tiếng đàn của đầu Oanh có cái vẻ ngậm đắng nuốt cay làm vậy. Đầu Oanh chỉ trầm mặc không nói. Khách hoài nghi lắm, bèn bảo đầu Oanh rằng :

— Này em, em có thể vừa đánh đàn vừa hát cho anh nghe hai câu hát này không ?

Đầu Oanh nói :

— Thưa, hai câu thế nào ?

Khách bèn đọc hai câu hát nghe được ở cái đêm nghe đàn thành Nam năm trước. Đầu Oanh nghe mỗi câu mỗi nhìn vào khách, tỏ ra ý thác ngạc vô cùng. Khách bèn hỏi :

— Thôi em không phải ngạc nhiên nữa, có phải em tập những câu ấy không ? Đầu Oanh nói :

— Vâng, chính thế, nhưng sao ông biết ? Khách thấy ả nhạo, lấy làm một sự gặp gỡ lạ, bèn nói rằng :

— Tôi biết lắm. Tôi biết em mấy năm về trước ở phố hàng Đồng tại thành Nam. Bấy giờ hình như em đương là một người khuê-nữ hay một người khuê-phụ thì phải ; cơ sao ngày nay em lại lạc loài đến chốn này ?

Đầu Oanh nghe nói, dàn dụa nước mắt. Khách bèn kể rõ cái đêm nghe thấy tiếng đàn và tiếng hát ở Nam-

định trong năm 1929, cảm thương cho người bạc phận trong tiếng đàn ấy bất giác phải vì ai than thở một lời: « nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa »; từ đấy nước chảy bèo trôi, không ngờ ngày nay lại có duyên gặp mặt.

Oanh nghe, trong lòng súc cảm, sụt sùi ngồi kể chuyện mình:

— Một người trong mộng của em đêm ấy, không ngờ hôm nay em lại được gặp gỡ đây ư? Vẫn biết thân em là cái thân bần nhơ, đâu dám mong mỗi chuyện gì. Nhưng đường đời mù mịt, nếu có một người tỏ lòng thương em, em vô phúc đến đâu mà lại không được gặp người ấy để tỏ một lời biết cảm, và để hồn em được chút phần yên ứ. Đêm ấy, sau khi tiếng đàn ngừng lại, em quả có nghe thấy tiếng người vì em ái ngại, nhưng đứng giậy mở cửa, trông ra nào thấy ai đâu. Thân em là cái thân chìm nổi dọ dầy, kể ra e rác tai người, nhưng cảm lòng ân nhân, người ân - nhân trong mộng mỵ của em bấy nay, em đâu dám chẳng đem hết nỗi mình kể lẽ! Em quê ở Nam-định, từ thuở nhỏ đã mất sớm cả cha mẹ, phải ở nương nhờ một bà cô. Cô em có hai người con gái, đều làm nghề ả - đào, vì thế cũng dắt díu em vào đường ấy. Song em biết nghề này là cái nghề đáng thương đau của bọn phụ nữ. nên lúc đầu, em chống cự mãi, bị các chị em đánh đập, bắt đặc dĩ em đành cũng phải theo nghề. Nhờ được cái tư chất của em, nên em học ít lâu đã biết hát lại biết cả nghề đàn, Năm trước đây ở Nam thành. em đã làm cho cửa hàng của các chị em được rộn rịp vương tôn quý khách. Song những lúc tỉnh rượu tàn canh, em vẫn thường thương đau cho thân phận, cha mẹ sinh ra được một mình là gái, thân sao thân đến thế này! Được ít lâu anh Phán-Tu ở Nam định vì thương đến hát mà tỏ ý yêu em, muốn cửa vớt cho em khỏi vòng nhơ đục.

Anh đã có vợ, song anh cam đoan là «mười phần cũng đáp điểm cho em cả mười». Vì được một món tiền xứng đáng, và cũng vì em kêu van mãi, nên các chị em mới bằng lòng cho em xuất giá. Em về làm bạn với Phán-Tu, song vợ cả Phán-Tu là đổ-phụ, chàng phải giấu giếm em một chỗ, thuê cho em một cái gác ở riêng tại phố hàng Đồng. Em ở đấy một mình với một con nhai, Phán-Tu trước còn năng đến với em, sau vì sợ vợ cả biết, ước đến nửa tháng mới dám đến thăm em một bận. Từ đấy em lòng riêng u uất, nghĩ thương thân mình là cái thân nằm kề ăn cạnh, đời người thế cũng là đời bỏ đi. Những lúc em mong nhớ tài-lang, ngày dài tựa tháng, đêm trường như năm, em thường mượn khúc hát cung đàn để khuấy giải nỗi lòng bi hận. Một buổi đêm thu năm ấy, sau lúc dây đàn em đứt mà ruột em vốn đã đứt trước lúc ấy, em chợt nghe thấy có tiếng người vì em than thở, em lấy làm cảm động quá, đêm thu lạnh lùng, cõi đời mù mịt, lại có người tranh lòng thương đoái đến một kẻ hàn-nữ này ư? Em mở cửa ra coi, thì tuyết mù nào thấy bóng ai. Song dù em chẳng được trông thấy mặt lòng, em vẫn rất cảm tấm lòng của một bậc từ bi lân mẫn. Em ở trong cái cảnh cô đơn hiu quạnh, nhưng giá anh Phán Tu cứ cung cấp cho em được đủ sống trong cái cảnh ấy, thì dầu sao em cũng đành phải nhắm mắt, sống cho qua cái đời bạc mệnh hồng nhan. Nhưng ngàn thay, anh Phán Tu té ra cũng là một chàng Thúc thứ hai, nên dần dần về sau anh không sao đáp điểm được nỗi cho em, anh bị vợ cả thu quản tiền lương, anh không có tiền, đành phải bỏ lơ em không nhìn đến nữa. Em đến cái bước ấy thật là đau lòng quá đỗi. Muốn đi tìm lấy một công việc gì làm để tự nuôi sống, song trong buổi người khôn của khó, vả lại một tấm thân yếu ớt, biết làm việc gì cho đủ sống bây giờ. Than ôi, xã hội gặp cái

buổi sinh kế khó khăn như ngày nay, chính là đã xô đẩy cho bọn bần-nữ chúng em vào đường đọa lạc. Hồi nghĩ lại cái chị con nhà cô em, sở dĩ phải sinh nhai bằng nghề xướng-kỹ, chẳng qua cũng chỉ vì cái ma nghèo nó bách xúc, cái ma nó dìm các chị ấy vào vòng khổ-ải, nó lại tha gì mà chẳng dìm em. Em dù vẫn có cái tính biết liêm sỉ mặc lòng, nhưng đến cái lúc lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da, bất đắc dĩ em cũng lại phải đi theo con đường cũ. Còn nhớ một nhà văn-sĩ có mấy câu thơ rằng :

*Uông có sắc nghiêng nước,
Sinh ra con nhà nghèo.
Một sớm bụng thấy đói,
Trăm năm thân phải liều.
Mê man đắm bụi trần,
Lăn lóc bông hoa xuân.
Từng cánh lại từng cánh,
Hôm mai héo héo dần.*

Em đâu không phải là có sắc nghiêng nước, nhưng tình cảnh của em, thực đã có giống như mấy câu thơ ấy. Từ khi em trở về nghề cũ, em không muốn lại ở Nam Định là đất quen thuộc, bèn lên sống góp ở xóm Khâm Thiên này. Những câu hát than thân oán phận em làm ra đề phổ vào đàn kè có cũng nhiều, một đôi câu lâu ngày em đã nhãng đi, tức như hai câu mới rồi, nhờ được ông nhắc đến mà em mới nhớ. Nay quân-tử -- hoặc gọi là ân-nhân hay cố-nhân của em cũng được -- muốn em hát lại mấy câu hát ấy, em đâu dám chẳng vâng nhời».

Đầu Oanh bèn lại ôm đàn, khiêu động 4 dây, rồi cất tiếng hát rằng :

« Thương cho mình !

« Ngán cho mình !

« Số phận ai rằng khác Tiểu-Thanh ?

« Bụi hồng mù mịt,
 « Nào ai người mắt xanh ? »
 « Trăng thu tàn,
 « Đêm thu tàn.
 « Sương thu lạnh ngắt thâu buông lan.
 « Chấn đơn gối mảnh,
 « Bi thu gảy khúc đàn ».

Cũng như cái đêm thu năm nào, tiếng đàn ai oán,
 tiếng hát ai oán, làm cho vạt áo xanh của khách
 Giang-Châu Tư-mã đầm-đìa dòng lệ châu!....

Ngày mồng 7 tháng giêng năm 1934
 Người khách trong truyện tức là tác-giả:

NGÔ-VĂN-TRIỂN



HỘP THƯ

Ông Cao văn Có Bèntre. — Mandat 3\$00 ông
 gửi trả tiền báo, tôi đã nhận được. Xin xem
 Văn Học số 30 thì rõ

Ông Lê thành Am Bèntre. — Văn-Học ông
 mua từ số 9 đến số 30 thì hết. Xin lỗi ông
 về sự nhầm đó. Còn mandat 4\$00 của ông gửi trả, về hạn báo đó
 tôi cũng đã nhận được rồi.

Ông Võ Thái Bình, Tân An. — Vì ông đổi chỗ ở không báo trước
 nên 2 số Văn-Học (29 và 30) vẫn gửi theo địa chỉ cũ thành lạc mất
 đấy, chứ số nào chúng tôi cũng gửi cả.

Ông Tôn thất Mưa, Tourane — Về hạn báo của ông đến 31-1-34
 còn thiếu là 1\$00 nữa, xin ông gửi ra trả nốt cho.

MỘT CHỮ NHẦM TRONG TRUYỆN KIỀU

Truyện Kiều là một áng văn chương tuyệt tác của nước ta. Giá-trị truyện Kiều và người nước ta đối với truyện Kiều thế nào, tưởng nhiều người đã nói.

Đây chỉ nói một chữ nhầm trong truyện do tác-giả hay do các nhà xuất bản không biết, nhưng cần phải cải-chỉnh. Ngọc còn có vết ! nhưng có thể dũa được vết ấy đi, thì ai lại quán-ngại không làm !

Ta hãy thử đọc :

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa
nửa vơi.

Tiếng khoan như gió thoảng
ngoài,

Tiếng mau sầm-sập như giờ
đổ mưa.

Đoạn này tả các điệu một khúc đàn. Tiếng trong như tiếng hạc bay, tiếng khoan như tiếng gió thoảng, tiếng mau như tiếng mưa rào. Sao lại có tiếng đục như nước suối ? Tiếng lại có thể ví với nước được ư ? Tiếng đục như nước thì tiếng ấy đỏ hay vàng, hay vẫn bùn đen ? khó hiểu quá !

Có người biết thế, đọc là :
ĐỤC như nước suối mới sa
nửa vơi

tiếng đục là tiếng gấp, tiếng mau ; có nghĩa lắm. Nhưng đoạn dưới lại có câu

Tiếng mau sầm-sập như giờ
đổ mưa.

thì không lẽ cụ Tiên-Điền nói lấp, nói thừa du !

Tiếng phải ví với tiếng. Tiếng trong là tiếng the the lạnh lạnh. Tiếng đục là tiếng ồ ồ, khàn-khàn. không thể nào đục như nước suối được. Mà nước suối dù có sa nửa vơi chẳng nữa, cũng ít khi đục. Ta chỉ thường nói «trong như nước suối»

Thì ? đến đây có lẽ ai cũng biết rằng phải đọc :

Đục như TIẾNG suối mới sa
nửa vơi.

mới có nghĩa, mới cân với các tiếng hạc, tiếng gió, tiếng mưa. Vì tiếng suối dội thì ầm ầm, ồ ồ, tiếng đục. Chỉ có một chữ «TIẾNG» ấy, mà nhiều người cho các nhà khảo cứu, chú thích, luận-giải truyện Kiều, có đến mười nhà, — là chưa được tinh tường,

Vậy có nên cải chỉnh hay không ?

LƯU HOE

VĂN THƠ

ĐỒ KIẾT THAN THÂN

Đồ Kiệt vốn con nhà gia thế,
Vẫn theo lề thi lễ, sử kinh.
Giang sơn hội ngộ bất bình,
Cạnh tranh kém bước, văn minh lạc đường.
Tinh-khí vẫn « ngang ngang cạnh búa »,
Lối hủ-nho vẫn giữ khư khư.
Tùy thời nào có biết cơ,
Chắc rằng học - vấn đề chờ đại - khoa.
Bỗng thế sự xoay ra cuộc khác,
Bút nghiên thôi cũng gác lên dần.
Quyền vàng lơ đồ mọt ăn,
Tóc xanh liềm diềm một phần hoa râm.
Nghĩ mình đã bốn năm mươi tuổi,
Đi học thi uốn lưỡi làm sao.
Đường xa vả lại nhà nghèo,
Lấy gì lương-thực theo vào tràng công.
Đường khoa hoạn chán không thiết nữa,
Nước non này nhường gã anh-niên.
Tội gì danh lợi đua chen,
Một ngày nhân nhĩa là tiên một ngày.
Ấu kiếm chốn ngồi vầy màn Đồng,
Cứ ngày ngày bắt chẳng, chi chung.
Ung-dung nước rót, cơm bưng,
Làm thầy học cũng sướng bằng làm quan.
Xong nguyên-đán đã bàn đi xếp,
Dầm chỗ ngồi kể hết mọi nơi.
Văn-minh cũng phải theo thời,
Học thi dạy khoán, nuôi ngồi cơm không.
Hạ giá xuống những mong người đón,
Đón nhưng còn thử ngón chữ tây.

Giở dăng biết tính sao đây,
 Thầy đồ lỗ bước biết xoay nghề gì?
 Xoay đến nghề « nông vi đại bản »,
 Có mấy sào trót bán quá tay.
 Vốn buôn không có thổ vay;
 Làm nghề thuyền-thợ lưng ngay mất rồi.
 Không có lẽ chịu ngồi thúc thủ,
 Sức nhớ câu « vạn sự xuất ư... ».
 Quyết lòng đội nghề tổ-sư,
 Biết dăm ba vị cũng thừa phong lưu.
 Bèn sắm-sửa dao cầu, ô thuốc,
 Vốn liếng còn nhờ bác lái buôn.
 Thuốc thời chuyên đủ các môn,
 Nam, phụ, lão, ấu, cao, đơn, tán, hoàn.
 Chữa lăm bệnh nguy-nan cấp cứu,
 Thuốc bốc cho, tiền thiếu cũng ừ.
 Đón đi không ngại nắng mưa,
 Đi xem sắc mặt, đến sờ mạch tay.
 Gặp bữa chỉ đông dài sơ thái,
 Chẳng thèm ăn gà gỏi của ai.
 Xuềnh xoàng xong việc thì thôi,
 Cứu dân sẵn bụng thương người bấy nay.
 Nhờ tổ độ mát tay may miệng,
 Khắp gần xa nức tiếng thơm danh.
 Quí hồ lăm đám nhiều đình,
 Ấy là lộc tổ đề dành cho đây.
 Chỉ cũng muốn làm thầy nuôi vợ,
 Quyết phen này gỡ nợ, gỡ công.
 Tính ra rất những mặt sòng,
 Tuy rằng tiền chịu cũng trong tiền hòm.
 Tính các món rồi gom góp lại,
 Cũng đã trông thấy lãi rồi đây.
 Dự-chi dựng sở riêng ngay,
 Ngăn này đề tậu, ngăn này đề buôn.
 Gặt hái đoạn, sai con đi hỏi,

Chẳng đứa nào không nói bài này;
Đứa thì khát cối, khát chày,
Đứa kia vô trắng, đứa này xin không.
Đòi chán chẳng được đồng nào giả,
Chịu lái buôn nợ đã to rồi!
Phen này nhặt nhanh vét-voi,
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!
Trách nhân-thế sao mà tệ thật!
Xử những câu sắp mặt, sắp mày!
Rõ mình không ớt mà cay,
Ngoài ai vẫn ngỡ túi thầy « rích » xu.
Càng nghĩ đến, càng to cái tức,
Đã đem đơn đến chực công đường.
Nghĩ đi, nghĩ lại dở-dang,
Lấy ai chứng-tá, lân-bàng mà thừa.
Vả thời buổi bây giờ khác cổ,
Có kim-ngân thì bỏ luật-lề.
Thôi thì bắm-bụng ra về,
Tạ tiên-sur cũ, đổi nghề nghiệp xưa.
Còn những vị thuốc thừa, thuốc thối,
Giả lái buôn khấu lại tiền đầu.
Thề không làm thuốc nữa đâu,
Đem ngay ô thuốc dao cầu quảng đi.
Than thân sinh chẳng gặp thì,
Có tài mà có ích gì cho thân!
Đời bao « phản bạc, hồi thuận »,
Lại chuyên nghề cũ, lại cần nghiệp xưa!

Thầy đồ Kiệt than

LÊ - VĂN - HẠC chép

Kỳ này vì đủ số trang rồi nên bản chú-thích
Bài tự tình của ông Cao - Bá - Nhạ đến kỳ sau
mới đăng tiếp. Xin các đọc - giả lượng thứ.

CA TRÙ

Bài này của cụ Mai-hữu-Tập, quán làng Lã-Hà, tỉnh Quảng - Bình, lúc cụ làm tri-phủ Đức-Thọ tỉnh Hà-Tĩnh, cụ phải trông đào một con sông. Lúc xong, nhân tiết thu, cụ có sửa một lễ hát tạ để về; khi ấy cụ đặt bài hát này cho con-hát hát. Cụ làm tri - phủ được 3 năm thì đệ giấy xin cáo về nhà vui thú điền viên nhưng lúc ấy Triều-dinh lại đòi cụ ra, bổ làm viên-ngoại bộ Công; cụ bất đắc dĩ phải ra rồi tuần tự lên đến Lễ-bộ Tham-Tri. Năm Duy-Tân thứ 8, cụ xin về hưu tri hân, năm 1922 cụ tạ thế.

X

THIÊN LÝ QUAN SƠN THIÊN LÝ NGUYỆT,

MÃN GIANG PHONG VŨ MÃN GIANG THU;

Người nữ khách bấy nhiêu sâu, gấm thê sự năm canh càng thồn thức; sanh mấy nhiếp, ca mấy khúc, đàn mấy bậc, mượn tri-âm diu dặt để làm khuấy; nhờ ơn rên cơm nặng áo dày, đường lợi ích dăm tiếc dẫu đều khó nhọc.

Nhưng mà nghĩ:

NHẤT ĐOẠN LƯU TOÀN NHẤT ĐOẠN HUYẾT,

KỶ TRÙNG SANH THẠCH KỶ TRÙNG CAO (1);

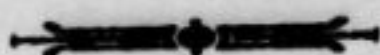
Trải ba thu của sức biết là bao, mà việc nước lòng trời còn chống chỏi; vũ lạo tam thu tiết trời đã chẳng đổi, xe khau (2) tám huyện việc nước cũng không thôi. Ôi, dân ôi, sao sống trời ôi. Làm cha mẹ nữ lòng nào mà đứng ngó. Việc chẵn dề lời xưa đã ngỏ; thú điền viên sắp sửa chốn qui lai, Sự tình này ai biết chẳng ai.

M. TH. C. sao lục

1) Khúc sông ấy toàn đá và lầy hết, công phu đào rất khổn khó.

2) Là đồ dùng để tát nước.

TÌNH YÊU THƯƠNG CỔ THI - VI CỦA NGƯỜI PÚ-NỘI



Phú-nội là một dân-tộc ở trong hạt Phong-sa-ly là hạt cực Bắc nước Lào, giáp với tỉnh Lai-châu xứ Bắc-kỳ, là đạo binh thứ năm của Đông-pháp.

« Pú » (chữ Pháp viết là Pou, ta thường thấy trong những tên núi bên Lào, như Pou-Bia, Pou-Luang) nghĩa là núi; « nội » nghĩa là nhỏ. Dân-tộc ấy gọi thế có lẽ vì ở trong hạt ấy có những núi so với nơi khác nhỏ hơn.

Nam, nữ Pú-nội yêu nhau một cách thiên nhiên. Tuy lấy nhau đại khái cũng có hỏi, treo, cưới như ta nhưng phải có ái-tình trước đã. Khi nào trai gái muốn lấy nhau mà cha mẹ không thuận, thì bên trai họ dùng cách bắt-cóc: họ tìm một vài người anh em rất khỏe, nửa đêm đến nhà gái khiêng gái mang đi, cha mẹ nhà gái có kháng cự cũng cố mang đi cho được; gái lắm khi cũng đồng tình đồng mưu, có kháng cự cũng là kháng cự vờ.

Gái đã mang đi một nơi kín rồi, nhà trai mới tìm mỗi lái đến nói với nhà gái. Bấy giờ cũng có nhà cho rằng « âu cũng là duyên giới » thì thuận ngay; cũng có nhà mỗi lái đi lại nói năng năm bảy bận, khó khăn lắm mới được.

Cũng có khi nhà trai rủ bạn đến bắt cóc gái, nhưng bắt sây. Họ sẽ đợi mười hôm... Phải nhà gái khó khăn quá, phòng bị kỹ thì lại không bắt được. Nếu trai gái nặng tình với nhau quá, có khi quyên-sinh.

Tôi có phảng phất nhớ đại ý một bài hát tự-tình của một cô Pú-nội làm ra trước khi quyên-sinh về tình. Nhân hạt ấy, cũng như nhiều hạt lân cận, có thổ ngơi giống được cây nha phiến, (tức là cây có quả lấy nhựa để nấu thuốc phiện), nên bài hát cũng nhờ đó mà có « yển-sĩ-phi-lý-thuần ».

Tôi xin thuật bài ấy ra sau đây bằng văn « song thất lục bát », gọi là có chút quà lạ ở nơi sơn-lâm hẻo-lánh.

Cây nha phiến

Chàng một dạ tâm-đầu với thiếp,
 Thiếp muôn phần ý - hiệp cùng chàng.
 Bởi chung duyên phận dở dang,
 Nên chi mới phải nhớ nhàng đôi nơi.
 Chàng ngẩng mặt van giời cao ngất,
 Thiếp liêu thân vui đất nông sờ.
 Giữa rừng mờ thiếp bơ vơ,
 Trên thoir nha - phiến cánh tơ mọc liền.
 Sẵn có thú giải phiến ngay đó,
 Dễ khiến lòng đỡ nhớ xưa nay.
 Ngọn đèn chàng thắp hàng ngày,
 Tay tiêm, miệng hút cho khuấy khuấy chàng.
 Xin một tấm lòng vàng chơi lợi,
 Cho muôn trùng hơi khói thơm tho.
 Canh khuya, giờ sớm năm co,
 Chàng thường có thiếp co ro bên mình.

BUI-TIẾN-RINH



Hiện chúng tôi còn gần một vạn quyển **Cách viết chữ Annam bỏ dấu** (1) để biếu các đọc - giả V. H. T. C. Các bạn đọc báo ai chưa có xin cứ gửi cho 5 xu tem làm tiền cước phí, chúng tôi sẽ gửi biếu ngay.

1) Quyển này có phụ thêm các điều cần biết hàng ngày như lệ dán tem thư, tem thuế, cách đo lường của ta so với Pháp. Các ngày hội của ta, Lễ độ trở, Quan chế Các ngày lễ Pháp năm 1934 — Lịch 1934 có cả ngày tây và ta. Dày 80 trang.



HÒA LỮ KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN GIẢ : DƯƠNG-BÁ-TRẠC

(Tiếp theo)

XXIX

Về vừa tới đầu làng, gặp một người bò-lão trong làng chào nói :

— Thừa tướng-quân, xin tướng-quân chẳng nên vào trong làng làm chi nữa ; cái thằng súc sinh Đinh-Điền nó loạn dân cả vương-phi, hành hạ cả vương-tử, trong làng tôi nhân dân không phục, có kẻ rắp mưu lừa giết nó cho tuyệt giống đũa gian-phi, mưu ấy không thành, người ta mới phải giả thủ Lê-Hoàn để hại nó, không dè nó lại biết trước, cuốn gói trốn đi, đến khi quân Lê-Hoàn tới nơi thì nó đã thoát mất ; nay làng tôi lại thuộc về quyền Lê-Hoàn thống trị ; tướng-quân nên đi ngay, tìm một chỗ rừng sâu lánh dấu, dưỡng oai sức nhuệ để đợi thời cơ.

Nguyên tướng-quân thở dài mà rằng :

— Thế này đã chán chuyện chưa ! thế đã khổ tôi chưa ! Ai mà dè con người ấy cũng đến biến tâm làm bậy được ! chỉ nghĩ cực cho tôi bây giờ, đại-kha tôi đem vợ con giao phó cho tôi, tôi không hộ vệ được chu toàn để đến nỗi này, còn mặt mũi nào trông thấy đại-kha tôi nữa ! việc đời việc nước, gánh vác nặng nề như

thế này, chắc cây có ba anh em đồng tâm hiệp lực với nhau, chỉ trời vạch đất, thề thốt nặng lời, mà cũng mất hết một người trái thề bội tín rồi đây, thì công việc sau đây còn có hòng gì! Thôi! đã chẳng mong gì sự nghiệp công danh được nữa rồi, mà đoái tới cái lòng kỳ-thác của đại-kha tôi, tôi lại không mặt mũi vào trông thấy đại-kha tôi nữa, trời ơi! tôi còn sống nữa làm gì!

Nói rồi, rút gươm toan đâm cổ chết; người lính của động-chúa vội vàng ôm ngay được tay Nguyễn tướng-quân lại, dằng lấy thanh gươm; cả người bò-lão, cả một lũ thân binh xúm xít lại khuyên ngăn Nguyễn tướng-quân không nên nóng giận quá thế. Người lính của Động-chúa xụp xuống lạy mà thưa rằng:

— Dám thưa tướng quân, trước tướng quân cùng động chúa kết làm anh em, thề cùng sống cùng chết. Nay động-chúa đương lo mưu khôi phục, cần người giúp đỡ tay chân, đã sai con đi tìm đón tướng quân sang ngay Bồ-hải-Khâu cùng động chúa tính toan các việc. Con phụng mệnh động chúa đi năm sương mười nắng mới gặp được tướng-quân đây; tướng quân lại không nghĩ gì đến tình nghĩa với động chúa ngày xưa, vì một sự giận con con, nỡ lòng quên bỏ động-chúa, thẳng thốt quyền sinh, vậy thì tướng quân còn có tình nghĩa gì với động chúa nữa, vả cái việc Đình tướng quân cũng chưa lấy gì làm đoan đích, chẳng qua là một tiếng phao đồn ở trong làng này, biết đâu chẳng vì cái gian mưu phản gián của bên thù, làm cho dân làng đây khinh ghét Đình tướng quân thì nó mới dễ bề tróc nã. Con tướng cũng chưa nên tin vội, tướng quân hãy cứ việc sang Bồ-hải-Khâu cùng động chúa hội hợp, để động chúa có cây giúp công việc gì, rồi dần dà cho đi dò xét Đình tướng-quân thế nào sẽ liệu.

Nguyễn tướng quân nghe nói, ngẫm nghĩ hồi lâu, người dần cơn giận, bèn hỏi người bò lão trong làng rằng:

— Vậy lúc thẳng súc sinh ấy nó trốn đi, nó có đem

vương-phi vương-tử cùng đi không? nó đi về ngã nào? Dân làng các ông đã vị tình động chúa, sinh lòng ghét giận kẻ làm càn, sao còn để cho nó thoát được? Nó đã trốn rồi, lúc quân Lê-Hoàn đến làm ra thế nào?

Người bô lão nói:

— Thưa tướng quân, thẳng súc sinh ấy biến lòng làm bay, dân làng tôi ai cũng ghét giận bội phần, muốn móc gan moi ruột ngay được nó ra cho sượng; nhưng tướng quân còn lạ gì dân ngu chúng tôi tay không mảnh sắt, thân ai người nấy, ai hiệu lệnh được ai, việc gì chẳng vậy, chỉ cảm nợ mà không cảm ơn; thẳng súc sinh ấy nó lại là người có dưng có mưu, lúc nào nó cũng khi giới luôn mình, quân lính cũng có được kẻ hàng trăm rồi, chính những quân lính cũ trong làng tôi cũng đều tòng phục nó hết, hiện theo nó đi cũng mất mười bảy, mười tám người trong làng; tướng quân nghĩ trong làng tôi dù ghét giận đến đâu, có làm gì nổi nó. Nó chỉ còn kiêng có thể lực Lê-Hoàn, nhắm bề không chống cự nổi nên phải trốn đi; lúc nó trốn đi có đem theo vương-phi cùng vương tử, xem chừng nó cũng hộ vệ cẩn thận, cung phụng tử tế, nhưng ta đã biết rằng vương-phi bây giờ khác nào cũng như vợ yêu của nó, yêu mẹ thì lẽ nào lại chẳng thương con, chứ nó đối với động-chúa còn có tình nghĩa gì nữa. Nó đi khỏi vài ngày thì quân Lê-Hoàn kéo đến, hành hạ dân làng tôi, hạch sao nó đến ở đã lâu mà không đi phi báo, dọa sẽ làm cỏ cả làng tôi; dân làng tôi hết sức van lơn, mới truyền lệnh nhất thứ khoan dung, răn từ nay trở đi hãy có đồ dâng cũ của Đình-dộng chúa bèn bắng tới đây thì phải lập tức phi báo; Lê-Hoàn lại sai làm một cái bảng kê hết tội trạng Đình-Điền phụ ơn bội nghĩa chúa cũ, cướp cả vợ chúa, nạt cả con chúa, biên rõ đủ chứng cứ, liêm yết khắp các làng. Dân làng chúng tôi từ đây phải tòng phục Lê-Hoàn, cần thủ kỷ luật Lê-Hoàn không dám sai, như tướng - quân vào làng bây giờ, nếu không dấu - điểm

được, một kín hai hở, đến tai Lê-Hoàn biết thì lại khốn to cho dân làng tôi đấy.

Nguyễn-tướng-quân nói :

— Cám ơn bô có lòng đoái tưởng đến động-chùa cùng tôi và gởi lời bô cám ơn tất cả dân làng trung hậu không quên nghĩa cũ. Nay kỷ luật Lê-Hoàn đã nghiêm nhất quá như thế thì tôi xin đi ngay, không vào làng làm gì để lụy đến dân ; chỉ phiền bô cho biết rõ những chứng đoan đích về việc Đinh-Điền với vương-phi vương-tử thế nào ?

Người bô lão nói :

— Có chứng cứ đoan-đích lắm. Hiện Lê-Hoàn đã có xét hỏi kỹ-lưỡng biên vào trong bảng yết thị khắp mọi nơi : chính người chủ nhà chỗ Đinh-Điền ở nói mắt trông thấy Đinh-Điền mắng đánh vương-tử mấy lần, lấy cớ rằng vương-tử làm biếng không chịu học, lại phòng Đinh-Điền nằm về phía đông, phòng vương-phi nằm về phía tây, mà có nhiều lần thấy bóng vương-phi đương đêm thấp thoáng ở đằng phòng tây đi lượn sang phòng đông ; ở lối xóm đấy cũng có ba người mắt trông thấy Đinh-Điền đương đêm dắt vương-phi đi chơi ngoài cánh đồng, nói là đi xoát các vòng quanh lại một lần ; Đinh-Điền cùng vương-phi hai ngựa xong xong đi săn bắn, khắp mọi người trong làng ai cũng trông thấy. Ấy những chứng cứ rõ ràng như vậy, Đinh-Điền đâu có trăm miệng chối tội được sao.

Người-linh của động chùa nói :

— Xin phép tướng-quân cho con hỏi cụ bô-lão đây một lời : những chứng cứ về tội trạng Đinh-Điền như thế, chẳng hay mấy người quân lính trong làng ca họ theo hầu Đinh-Điền luôn đó, họ có nói gì không ? mà sao họ lại cam tâm tận trung theo đuổi với Đinh-Điền không bỏ ?

(Còn nữa)

NỬA THÁNG VỪA QUA

VIỆC THỀ GIỚI

Việc nước Tàu

Từ khi tỉnh Phúc-Kiến lập riêng ra một chính-phủ mới, khuynh hướng về chủ-nghĩa xã-hội, rất được nhiều người duyệt phục, nên chính-phủ này cũng có thể vững vàng. Ngoài ra, chính-phủ này lại còn có mối liên lạc với chính-phủ Tô-Nga, nên mới gần đây có tin Tô-Nga phái đến Phúc-kiến mấy chục người để giúp chính-phủ Phúc-kiến về chính trị và về binh sự. Hiện nay chưa thấy có tin chính-phủ này cùng quân Cộng-sản ở Giang-Tây và Hồ-Nam liên lạc nhất khí, nhưng cứ xem cái điều khuynh hướng của hai bên thì tất rồi họ sẽ liên lạc. Mà nếu họ liên lạc, lại được có người Nga ám trợ, thì chính là cái lo rất lớn cho phái Nam-kinh. Chính-phủ Nam-kinh sau khi dùng phương pháp hòa bình để giải quyết nhưng không thành công, thì đã bắt đầu dùng đến võ lực rồi, đã cho máy bay đến ném tạc đạn xuống Phúc-châu (tỉnh thành Phúc-kiến), và hai quân cũng đã có mấy trận giao chiến ở biên giới Mân (Phúc-kiến) Triết. Có tin rằng Trương-giới-Thạch đã định ra cầm quân để đánh Phúc-Kiến.

Tại Nam-kinh, đến 20 tháng giêng (dương lịch) này sẽ khai mạc kỳ Tứ-toàn hội nghị (hội nghị toàn quốc lần thứ 4). Tôn-Khoa sẽ đem trình hội nghị một bản chương trình chính trị của Hồ-Hán-Dân, chưa rõ chương trình của họ Hồ thế nào.

Trương-học-Lương, một viên tướng thua quân ở miền Đông-bắc, sau khi làm mất đất nước, bị người nước nhểc mắng, nên trước đây mấy tháng đã từ bỏ chức vị, đem vợ con sang du lịch bên Âu-châu. Song vừa đây đã lại về nước; chưa biết chính-phủ Nam-kinh sẽ đặt hẳn vào chức vị gì.

Tại Mãn-châu, từ khi người Nhật đặt Phồ-Nghi (Tuyên thống) lên làm một cái bồ nhìn, Phồ-nghi tuy đã kỷ nguyên là Đại-đồng, nhưng vẫn xưng là Chấp-chính chứ chưa xưng đế xưng vương gì cả. Đến nay bọn cựu thần nhà Thanh đương lo vận động đề tôn Phồ Nghi lên ngôi Hoàng-đế. Song ý người Nhật họ không muốn vì họ định trong sớm tối, sẽ thực hành nuốt sống Mãn-châu, lúc ấy họ sẽ không cần mượn đến Phồ-nghi làm bồ nhìn nữa. Hiện nay họ lại đương phái người đến Mông-cổ vận động với các vương-công để có một ngày lại nuốt nốt Mông-cổ nữa.

Việc nước Pháp

Tại nhà Ngân-hàng của thành phố Bayonne vừa mới khám phá ra một việc lừa đảo mất tới 200 triệu phật lăng. Thủ phạm là tên Stavisky, hán đã dùng những phương pháp giản dị mà lừa được số tiền ấy.

Nguyên Tissier là quản lý Ngân-hàng, nhưng chỉ là cái bồ nhìn của Stavisky. Stavisky bảo Tissier biên vào các cuống trái phiếu đã có chữ ký của viên trị sự, những số tiền từ 100 đến 1000 phật lăng, mà phần ngoài trái phiếu, thực ra lại biên những số từ 3000 đến 10.000 phật lăng. Nhờ có cách ấy mà nhà Ngân-hàng này đã vay ở Ba-lê được đến 150 triệu phật lăng. (tính ra thì 3 vạn dân ở thành Bayonne, mỗi người phải mắc nợ ở Ba-lê tới 5 nghìn phật lăng. Việc này đã làm hại cho rất nhiều những hãng bảo-hiêm ở Ba-lê và những nhà tiểu tư-bản.

Thủ phạm thấy việc phát lộ vội tìm đường trốn, sau bị người ta lăng bắt thì tên ấy đã dùng súng mà tự sát ở Chamonix rồi.

Việc này phát ra, nhiều người bị lôi thôi: chính ông nghị viên kiêm xã-trưởng Bayonne là Garat đã bị bắt giam rồi. Lại như ông Tổng-Trưởng bộ thuộc địa ở tòa nội-các Chautemps hiện giờ là Dalimier vì có

một bức thư của ông viết khi còn làm Tổng-trưởng bộ Lao-động, bảo các hãng Bảo-hiêm có thể nhận các trái phiếu vay của các nhà Ngân-hàng thành phố, nhân thế ông cũng bị liên can mà đã phải xin từ chức trong tòa nội-các. (1) Nội các cũng sẽ bị nghị viên chất vấn Người ta đoán rằng vì cái án lừa đảo lớn này đã làm cho nồn nao cả nước, mà nội các Chautemps phải từ chức cũng chưa biết chừng.

Việc trong nước

Quan Toàn-quyền về Pháp

Quan Toàn-quyền Pasquier, ngày 5 Janvier 1934 đã cưỡi máy bay về công cán bên nước Pháp. Ngài sẽ thương xác với bộ Thuộc-địa những yếu chính ở Đông-Dương để cứu cái tình hình kinh tế khủng hoảng của xứ này. Trong khi vắng thì ông Græffeuil phó Toàn-quyền, quyền chương sự vụ.

Hội - đồng liên - lệ

Hội này sẽ họp ở bên Pháp, có yêu cầu chính-phủ Đông-Dương phải đại biểu đề sang trình bày cho hội-đồng biết về tình hình kinh tế. Bởi thế, Đông-Dương cũng đã phái các ông Nguyễn-phan-Long, Trần-như Luân và Trần-văn-Sang (đều ở Nam-kỳ) sang dự. Các ông đã cưỡi máy bay sang Pháp để trình bày mọi lẽ ở trước Hội-đồng Liên-lệ. Mong rằng hội-đồng có giải quyết cách nào, sửa lỗi đồng bạc ở Đông-Dương, đừng bắt nó dằng co với đồng phát-lãng bên Pháp (đồng bạc nhất định ăn 10 phát lãng, khiến sự buôn bán với ngoại quốc được dễ hơn trước, thì nền kinh tế ở xứ này may ra mới có chuyển cơ. Đó là cái điều rất mong mỏi của chúng tôi.

1) Ông Dalimier từ chức, thì ông Lamoureux, trước kia làm Thượng-thư bộ Lao-động, nay lĩnh bộ Thuộc-địa. Ông Frot ở bộ Thương-thuyền thay ông mà ông phó thượng thư nội vụ thì thế ông Frot.

Những cò rác ở vườn văn

Trong câu truyện ngắn « Tôi xin hết lòng » của ông N. C. H. đăng ở báo N. T. Hanoi ra ngày 20-12-33, có nhiều chỗ cần phải sửa :

- a) Tôi có quen trông người ốm đâu ! (chỉ vì dùng thiếu tiếng *nom* làm câu đọc lên khó nghe không được xuôi nghĩa).
- b) Nói ta thăm con bạn ốm cho nhà nhận (2 tiếng *nhà nhận* dùng chưa đúng nghĩa, tưởng dùng hai tiếng « dễ nghe » còn hơn).
- c) Bà cũng muốn chuồn mắt (sao không nói lần mắt hoặc tránh mắt ?)
- d) Ngày thường đẹp đáo để (sao không nói đẹp lắm ? Phải chăng tiếng *lắm* nghĩa không được mạnh bằng 2 tiếng *đáo để*. Nó còn có nghĩa *chanh chua* thì đề nó đi theo với nghĩa ấy).
- d) Nghe người ốm và ẩm thuốc thì nhau rên mà buồn buồn buồn là ... (chỗ này không phải là chỗ tác-giả có thể nói điều cốt được. 3 tiếng *buồn buồn buồn* dùng vào đây nghe suông và vô vị quá, ý chừng nói *buồn* 1 tiếng, tác - giả sợ đọc giả không nhận ra hết chỗ hay sao ?)
- e) Tóc bà khỉ quá, trước giải thườn thợt (cho hai tiếng *khỉ quá* vào đây cũng không được nữa : tác-giả luôn luôn muốn đòi giọng đang nghiêm trang ra điều cốt, thành thử hay chẳng thấy đâu, chỉ thấy bày ra sự vụng về của mình. Tôi dám chắc không ai nói như tác-giả vậy. Tóc giải có gì là tức giận mà cũng văng tiếng *khỉ* ra)
- g) Cái cười vợ vào, ich kỷ (thế nào là cười vợ vào ? Còn thế nào mới là cười đầy ra ? Nói như tác giả, thật tôi không hiểu).

X

Trương S. Phụ nữ xuất bản tại Saigon trong bài « Cái hại ăn không ngồi đòi của nhiều chị em » có những câu này, ông V. T. T. nói không được xuôi nghĩa :

1) Có người muốn tìm ra việc để kiếm kế sanh nhai cho đỡ bớt gánh nặng gia đình của chồng con mình (một câu giải thườn thợt mà nghĩa không hơn gì câu : (nói rất tóm tắt người đọc mau hiểu hơn) « có người muốn tìm việc làm để chia sẻ gánh nặng với chồng con ».

2) Nói truyện với nhau đã mê mẩn rồi (nói truyện mà đến nỗi mê mẩn sao, có lẽ họ phải dùng bùa mê hay phép thuật. Chị em bạn gái không khi nào mê chuyện đến thế, họa chăng đôi trai gái mê chuyện nhau thì có !

X

V. H. T. S. số 1 xuất bản ở Huế, trong bài tiếng nói 3 kỳ của ông T. L. có mấy tiếng này sai :

Bắc Trung Nam

Bao diêm hộp kệt thùng quet tiếng thùng không phải là tiếng thông dụng ở Nam.
Cái thìa cái muống cái xỉ tiếng xỉ chỉ có một hai tỉnh dùng chứ không phải hết thầy người Nam Kỳ.

Ốm tẻ đau lăm đau hung ở Bắc thường nói ốm nặng, ở Nam thường nói đau nặng hoặc dữ chứ ít nói hung.

chim gái gheo gái o mèo tiếng chim và gheo, Bắc và Trung đều có dùng, không thể nói là khác nhau được.

X

Trong tạp chí V. H. số 29 có đăng câu truyện ngắn « Anh Tư Long » của ông Lê-tràng-Kiều xin trích những tiếng ông dùng sai :

1) 2 chiếc tay nhỏ nhắn.

1 chiếc xe pho (câu trên dùng thừa tiếng chiếc làm cho câu khó nghe, câu dưới không thể dùng chiếc

mà phải dùng cái vì chiếc chỉ được đi đôi với các đồ nhẹ như đũa, giày, bánh, v. v.)

2) Phu bắt té (2 tiếng này cũng như tiếng *pho* ở trên đáng lẽ tác - giả phải giải nghĩa vì 3 tiếng đây đều là mượn của tiếng tây: *Ford, Porteur*; không giải nghĩa làm sao người đọc (nếu không học chữ Pháp) biết cái suất xứ của nó.

Y. S.

AI BIẾT BẢO GIÙM

Bài này của một cô giáo gửi đến nhờ bản-chi đăng vào mục « ai biết bảo giùm » đây. Cô có ý ngờ không biết mấy câu này ai làm? làm vào hồi nào? đề đồ hay đề làm gì? nếu đề đồ thì là đồ cái gì? vậy trong đọc giả ai biết bảo giùm cho. Cô giáo ấy đa tạ và sẽ xin tặng một quyển « Cùng bạn thoa quần ». Hạn trong 10 ngày thôi.

X

(Bài này viết theo lối chữ quốc ngữ bỏ dấu in ở Văn-Học Tập-Chi số 27).

Thaan em veuar zelx veuar tronr,
Maur za den saamu meuiolx trion heuv tinhr.
Deungs ngooir em ngaix hios heenh,
Neamr tronr cuoonx khuc, tair lanhr gais ngoan.
Nhar em quis meens muoon vanr,
Ngayr ngayr dons reuioc tay naang ngang mayr.
Song em gan heos ruootx dayr,
Jaanx chongr mee hams thangs ngayr thoangz khoong.
It khi em deuiocx thong zong,
Deez em teams reuaz vayv vungr beez khioi.
Bieet em dav zeev maais ngeuioir.

CÁCH ĐỌC

CHỮ QUỐC - NGỮ BỎ DẤU

ea thay cho ă (như teang=lăng)	d thay cho đ (như den=đen)
aa — — â (— taam = tâm)	z — — d (— zan = dan)
ee — — ê (— teen = tên)	j — — gi (— ja, jia = gia, giia)
oo — — ô (— toon = tôn)	s — — / (— tams = tám)
io — — ơ (— biot = bớt)	r — — \ (— bar = bà)
eu — — ư (— leung = lưng)	z — — ? (— nhaz = nhả)
	v — — ~ (— bav = bã)
	x — — • (— ngocx = ngọc)

hotel

TAM-KỶ KHÁCH LẦU

Nº 7 à 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ MÁT MỀ, VÀ SẠCH SẼ



Chủ nhơn : HUỖNH-HUỆ-KỶ

CÁC NHÀ TU HÀNH,
CÁC NHÀ HỌC THỨC,
CÁC NHÀ NGHIÊN CỨU,

muốn hiểu rõ lý nghĩa đạo Phật

Xin hãy xem :

Viên-âm nguyệt san

của Hội Phật-Học — Hué

Nội dung VIÊN-ÂM giảng giải Phật pháp
ràng, dễ hiểu, có mục luận đàn, điển
a, dịch kinh, sự tích, tiểu-thuyết, thi
n, hài đàm, văn vãn.

Mỗi tháng xuất bản một kỳ.

Mỗi quyển : 0\$20 — Một năm : 2\$00

Ước, từ, mandat mua nguyệt-san xin gửi
ao: M. Lê Đình-Thám, Médecin Indochinois
Cadre Latéral — Hué Boite postale Nº 73

Imprimerie Đông-Tây — Hanoi

Một quyển sách ai cũng cần đọc

VÌ LÀ QUYỀN SÁCH

thêm ái tình cho nam nữ
tăng hạnh phúc cho gia đình
gây nòi giống cho nước nhà

Ấy là cuốn **NAM NỮ TU TRI**

đã in tới lần thứ hai

Trống có những mục như : tổng luận
về nam nữ ái tình, ý nghĩa sự giao
hợp, kinh nguyệt, trạng huống khi
thụ thai, nguyên nhân thành thai, kết
thành nam thai hay nữ thai, nguyên
nhân có con và cách chữa cho có
con, hôn nhân vệ sinh, những điều
đàn bà sắp đẻ nên biết vân vân.

Bán ở Đông Tây ấn quán — Hanoi

Giá bán 0\$25 — Cước thường 0\$03

Nhà Studio Tu-Sơ do ông
Phạm-Sổ, tốt nghiệp trường
Mỹ-thuật ảnh tương, thủ khoa
kỳ thi của Liên-Đoàn chuyên
nghiệp, nguyên giám đốc
chuyên môn nhà ảnh tương
lớn David tại Paris, nguyên
hội-viên phòng Mỹ-thuật ảnh
tương Vạn-quốc, nguyên phóng
viên nhiếp ảnh hãng Arip
bên Pháp v. v. đến hôm 16
Janvier này sẽ mở tại phố
Bờ Hồ, Hanoi. Từ nay các ngài
khỏi than rằng ở Hà không
có nhà ảnh mỹ thuật.

Ai chưa biết cờ ? muốn học
Ai đã biết cờ ? muốn cao

Hãy coi :

SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ

của M. ĐỖ-TRĂNG-SẢN soạn

Dạy đủ cách :

ra quân cho được thạo
dàn quân cho khỏi bị
đi lầm nước rất bí hiểm
khép vào nhiều trận hay vô cùng

Giá bán 0\$20 Cước 0\$06 Mua
một quyển gửi bằng timbres postes
cũng được cho Đông-Tây ấn quán
193, phố hàng Bông Hanoi

Le Gérant : DƯƠNG-TỰ-QUÂN

MẢNH HỒN-THƠ

Dépôt - légal
Triage 1000 ex.
Hanoi le 17-1-84
L'Édition et l'Imp.

Cũ a
LÊ - VÂN - HÒE
Giá bán 0\$15 —
Cước 0\$03.

Có bán tại các
hàng sách và ở
Đông-Tây ấn quán
193, hàng Bông
HANOI

Mua một quyển
gửi bằng timbres
postes cũng được.

LỜI BÌNH-PHẨM CỦA NGỌ-BẢO :
« . . . Những câu thơ tự-nhiên và linh - hoạt của tác-giả
MẢNH HỒN THƠ nó như một cơn gió trẻ - trung thổi vào
cõi lòng ta vậy » !

NÊN ĐÓN XEM

TẬP VĂN XUÂN

năm Giáp - Tuất

(có cái giấu triện đỏ)



cũ a
VỊ-GIANG VĂN-KHỐ
Xuất - bản

Trước khi giao thiệp
với các nhà băng, các
ngài nên xem quyển
sách « Công việc nhà
băng » của ông Dương-
Tự-Nguyên soạn thì các
ngài khỏi bị chậm trễ
về sự lĩnh tiền hoặc bị
trở ngại về việc buôn
bán, và các người làm
trong nhà băng không
thể cười các ngài là
nhà quê nữa. Bán tại :
Đông - Tây ấn - quán,
193, hàng Bông Hanoi
Giá 1\$20, cước 0\$25

Un ouvrage à lire

EURDYICE

1er prix de l'Indochine
PAR NGUYỄN - TIẾN - LÃNG
avec traduction en annamite intitulée
TÌNH XUA

Envoyez à l'imprimerie Đông-tây, 193, Rue du Coton, Hanoi 0\$31 en timbres postaux
(prix du livre 0\$25 et 0\$06 de port) et vous recevrez de suite le volume.

Le Génant.